



TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

Đời sống trực tuyến

Lecturer: Nguyễn Phát Tài

Master of Science (Asian Institute of Technology)

Master of Microsoft Office Specialist 2010, 2013

Microsoft Master Trainer

IC3 GS4 Authorized Educator



Nội dung

Mục tiêu bài thi Cuộc sống trực tuyến



World Wide Web



Kết nối mạng



Truyền thông kỹ thuật số



Công dân kỹ nguyên kỹ thuật số



Tìm kiếm thông tin





Mục tiêu bài thi

Mục tiêu	Nội dung
Mạng lưới thông tin liên lạc và Internet	- Xác định những nguyên tắc cơ bản - Những lợi ích và rủi ro.
Truyền thông điện tử và sự cộng tác	- Xác định các loại hình khác nhau - Sử dụng các ứng dụng thư điện tử - Xác định việc sử dụng thích hợp và “Quy tắc đường – Rules of Road” về truyền thông trực tuyến/”Quy tắc - netiquette”

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

3

Detail Hide



Mục tiêu bài thi

Mục tiêu	Nội dung
Sử dụng Internet và World Wide Web	- Xác định thông tin trên Internet, www và web site, - Khả năng sử dụng ứng dụng trình duyệt Web, - Hiểu được nội dung được tạo, được định vị và được đánh giá trên World Wide Web.
Tác động/ảnh hưởng của máy tính và Internet đối với xã hội	- Máy tính được sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau, - Những rủi ro của việc sử dụng phần cứng, phần mềm, - Cách sử dụng máy tính và Internet.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

4

Detail Hide





Các yêu cầu kỹ năng

Mạng và Internet

- Xác định các thành phần cơ bản của mạng và các lợi ích, rủi ro của mạng
- Xác định các mạng (mạng máy tính và mạng điện thoại) truyền dữ liệu như thế nào
- Xác định vai trò của máy chủ / khách trong một mạng.
- Xác định các khái niệm liên quan đến mạng máy tính
- Xác định được các lý thuyết về sự an toàn khi sử dụng mạng

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

5



Các yêu cầu kỹ năng

Sự liên kết và truyền thông điện tử

- Xác định các kiểu truyền thông/liên kết và cách thức làm việc của chúng.
- Xác định các phương pháp truyền thông/liên kết, sự thuận lợi/sự bất lợi của mỗi phương pháp.
- Xác định kiểu người dùng với các dịch vụ truyền thông như: thư điện tử (instant mail), tin nhắn (text messaging), hội thảo trực tuyến (online conferencing), và mạng xã hội (social network sites).
- Xác định các thành phần chính của điện tử viễn thông.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

6





Các yêu cầu kỹ năng

Xác định cách sử dụng thư điện tử

- Thế nào là thư điện tử cách xác định địa chỉ duy nhất của người dùng thông qua địa chỉ e-mail
- Xác định các thành phần của một thư điện tử, khi nào thì sử dụng email options
- Đọc và gửi thư điện tử, bổ sung thông tin.
- Quản lý đính kèm, mail, địa chỉ.
- Xác định các cấu hình email thường sử dụng

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

7



Các yêu cầu kỹ năng

Sự tương thích của các loại công cụ truyền thông/liên kết; “Rules of the road”; “Netiquette”

- Xác định các phương pháp truyền thông khác nhau
- Xác định lợi ích của công cụ truyền thông
- Xác định các vấn đề chung của công cụ truyền thông
- Xác định các thành phần của công cụ truyền thông chuyên nghiệp và hiệu quả

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

8





Các yêu cầu kỹ năng

Sự tương thích của các loại công cụ truyền thông/liên kết; “Rules of the road”; “Netiquette”

- Xác định các phương pháp truyền thông khác nhau
- Xác định lợi ích của công cụ truyền thông
- Xác định các vấn đề chung của công cụ truyền thông
- Xác định các thành phần của công cụ truyền thông chuyên nghiệp và hiệu quả
- Xác định việc sử dụng các đính kèm email và các thông tin bổ sung khác
- Xác định các vấn đề liên quan đến các email “rác” (spam) và cách hạn chế /điều khiển các thư rác
- Xác định các chức năng hiệu quả cho việc đảm bảo an toàn và sử dụng một cách có hiệu quả công cụ truyền thông

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

9



Các yêu cầu kỹ năng

Sử dụng Internet và World Wide Web

- Xác định thông tin về Internet và www. Cách sử dụng các ứng dụng web browsers
- Phân biệt giữa Internet (mạng máy tính) và www (tập các trang liên kết thông tin và ứng dụng dùng internet để trao đổi thông tin trực tuyến)
- Xác định thuật ngữ liên quan đến Internet và www
- Xác định các phần tử trên một trang web, các loại websites và mục đích của chúng
- Reload/Refresh để hiển thị một trang Web
- Hiển thị history của một số trang web mới mở, bật chuyển đến trang trước, xóa lịch sử các trang đã mở.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

10



Các yêu cầu kỹ năng

Sử dụng Internet và World Wide Web

- Tìm kiếm thông tin trên một trang web, Quản lý Bookmarked/Favorite
- Sao chép thông tin từ web vào các ứng dụng khác (VD như văn bản, media,...)
- Download một file từ web, in thông tin trên web
- Xác định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng web
- Hiểu và đánh giá các nội dung của trang web.
- Xác định cách tìm kiếm thông tin
- Sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm thông tin trên mạng
- Xác định các vấn đề liên quan đến chất lượng thông tin tìm được từ internet
- Trách nhiệm và thói quen khi tạo hay sử dụng nội dung thông tin trực tuyến



Các yêu cầu kỹ năng

Sự ảnh hưởng của mạng và Internet đối với xã hội

- Các lĩnh vực mà máy tính được sử dụng: Công việc, trường học, và tại nhà
- CNTT và Internet được sử dụng như thế nào tại công việc, tại nhà, hay tại trường học
- Xác định cách giao tiếp truyền thống của con người với công nghệ cũ sử dụng máy tính
- Nêu cách mà máy tính và Internet đã thay đổi quy trình giao tiếp cũ bằng một cách thức mới như thế nào?
- Xác định các rủi ro của việc sử dụng phần cứng, phần mềm, cách sử dụng máy tính an toàn, hợp pháp và có đạo đức.
- Xác định cách duy trì môi trường làm việc an toàn, hợp pháp và đảm bảo sức khỏe.
- Xác định được các mối hiểm họa của việc sử dụng máy tính trong thời gian dài
- Xác định các mối nguy hiểm ảnh hưởng đến dữ liệu cá nhân và tổ chức





Các yêu cầu kỹ năng

Sự ảnh hưởng của mạng và Internet đối với xã hội

- Xác định được các mối đe dọa đến phần mềm máy tính
- Xác định được các lí do hạn chế truy cập file, thiết bị nhớ, máy tính, mạng, internet, và một số trang của Internet.
- Xác định các lí thuyết liên quan đến việc các thông tin được coi là thông tin cá nhân hay không, các quy định về sự sở hữu, quyền liên quan đến các dữ liệu.
- Cách phòng tránh các mối đe dọa từ thương mại điện tử
- Cách bảo vệ quyền cá nhân, an toàn cá nhân trên mạng để tránh bị lừa đảo, mất cắp, và các tai họa khác từ mạng.
- Cách sử dụng các quy định về thông tin trong máy tính và trên mạng Internet,...
- Nêu được sự thuận lợi và bất lợi của việc có mạng máy tính

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

13



Các yêu cầu kỹ năng

Sự ảnh hưởng của mạng và Internet đối với xã hội

- Hiểu được Internet là gì và cách để kết nối mạng Internet
- Hiểu các cách chia sẻ thông tin khác nhau và cách sử dụng email
- Hiểu Email là gì và cách thức làm việc trên nền mạng Internet
- Hiểu cách thiết lập địa chỉ email, cách nhận/gửi email
- Biết cách sử dụng email, hiểu thế nào là thư rác, các vấn đề liên quan đến email.
- Biết cách sử dụng Microsoft Outlook để gửi và nhận email.
- Hiểu trình duyệt web (web browser) là gì và cách thức làm việc của web browser.
- Biết cách sử dụng IE để tìm kiếm thông tin trên Internet.
- Biết cách sử dụng các công cụ tìm kiếm nâng cao, đánh giá thông tin tìm được trên Internet.
- Có thể tự bảo vệ mình và biết cách truy cập Internet một cách hợp pháp và an toàn.



World Wide Web

Sự khác nhau giữa Internet, World Wide Web và Trình duyệt

Cấu trúc của một địa chỉ Web (URL)

Xác định các thành phần chính của một trang Web

Chức năng cơ bản của Trình duyệt Web

Điều hướng trong trình duyệt

Sử dụng duyệt Web theo thẻ

Làm việc với Bookmark

Xem lịch sử (duyệt Web)

Tùy biến các tùy chọn Trình duyệt Web

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

15



World Wide Web

Internet	World Wide Web
“Siêu mạng” của các mạng máy tính	▪ Hệ thống tài liệu được liên kết với nhau ▪ Có thể truy xuất được trên Internet;
Truy cập công khai;	Các trang web: các tài liệu được lưu trữ trên máy chủ web
Cho phép các mạng máy tính kết nối với nhau (truyền tải dữ liệu)	Các trang Web chứa các siêu liên kết tới các trang Web khác (trên các máy chủ web)
Cho phép liên lạc giữa các công ty, cá nhân, tổ chức học thuật,	
Bao gồm khoảng 60.000 mạng độc lập và 350 triệu người dùng	

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

16

World Wide Web

Sự khác nhau giữa Internet và World Wide Web

Internet	World Wide Web.
Mạng toàn cầu bao gồm nhiều mạng nhỏ kết nối với nhau;	Một hệ thống các tài liệu được liên kết với nhau được lưu trữ trên các máy chủ Web;
Bao gồm: Dây dẫn, bộ định tuyến, bộ chuyển đổi, kết nối vi sóng, máy chủ, các phần cứng, phần mềm hệ điều hành.	Là một ứng dụng dùng Internet cho phép người dùng giao tiếp và chia sẻ thông tin.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

17



World Wide Web

Các thuật ngữ Web site và Internet

Webpage	Một tài liệu có thể được xem bởi những người truy cập World Wide Web
Website	Một nhóm các trang web liên quan
Home Page	Một nút điều hướng "Home" của một trang web sẽ hiển thị trang chủ của trang web
Browser	Một ứng dụng phần mềm cho phép truy cập đến World Wide Web
ISP (Internet Service Provider)	Nhà cung cấp dịch vụ Internet - Duy trì và hỗ trợ kết nối mạng cho khách hàng (Comcast, AT&T, NetZero)
HTML (Hypertext Markup Language)	Ngôn ngữ máy tính phổ biến được sử dụng để tạo ra các trang web





World Wide Web

Cấu trúc một địa chỉ Web (Uniform Resource Locator)
(Bộ định vị tài nguyên thống nhất)

http://www.7314.ccilearning.com/Home/tabid/1652/language/en-US/Default.aspx	
http://	Định danh giao thức (Identifier Protocol)
www.7314.ccilearning.com	Tên tài nguyên (Resource Name) • www: Tên máy chủ • 7314.ccilearning: Tên miền đã đăng ký • .com: Tên miền ở cấp độ cao nhất
Home/tabid/1652/language/en-US/	Tên đường dẫn thư mục (Folder)
Default.aspx	Tên tập tin/chương trình

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

19



World Wide Web

Các dịch vụ khác được cung cấp bởi Internet

E-mail	E-mail không được coi là dịch vụ dựa trên Web.
E-mail mailing lists	- Danh sách địa chỉ những người cùng quan tâm đến một vấn đề cụ thể; - Khi E-mail được gửi đến danh sách, nó được định tuyến đến tất cả các thành viên trong danh sách.
Message boards and newsgroup	- Bảng tin, các nhóm tin cung cấp để mọi người gửi cho người khác đọc và trả lời; - Tin nhắn được đưa lên nhóm tin phải được kiểm duyệt và chấp thuận của người điều hành

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

20



World Wide Web

Các dịch vụ khác được cung cấp bởi Internet

Chat rooms	Cho phép giao tiếp thời gian thực giữa một nhóm người.
Instant messaging	- Cho phép mọi người trò chuyện qua việc đánh tin nhắn trong thời gian thực. - AOL, Yahoo! và MSN, cung cấp dịch vụ nhắn tin tức thời.
FTP	File Transfer Protocol (giao thức truyền tập tin) cho phép gửi các tập tin có kích thước lớn qua Internet.
Online Conferencing	- Cho phép mọi người tổ chức cuộc họp ảo; - Các hội nghị trực tuyến có sử dụng phương thức thuyết trình trên máy tính hoặc Webcam.



World Wide Web

Các giao thức của Web site (Protocol)

http	Giao thức truyền siêu văn bản (Hyper Text Transfer Protocol)
https	Hypertext Transfer Protocol over Secure Socket Layer Question
ftp	Giao thức truyền tải tập tin (File Transfer Protocol)
Question Question Question Question	





World Wide Web

Tên miền ở cấp độ cao nhất

.com	Thương mại và các tổ chức lợi nhuận
.edu	Các trường cao đẳng và đại học (các tổ chức hoạt động giáo dục)
.gov	Cơ quan chính phủ hoặc liên bang
.mil	Các tổ chức quân sự
.int	Các tổ chức quốc tế
.net	Các tổ chức cung cấp dịch vụ và cơ sở hạ tầng Internet
.org	Các tổ chức phi lợi nhuận và các tổ chức khác

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

23



World Wide Web

Tên miền ở cấp độ cao nhất có thể sử dụng hai chữ cái viết tắt cho tên bang hoặc quốc gia

vn	Việt Nam	in	India
au	Australia	it	Italy
br	Brazil	jp	Japan
ca	Canada	mx	Mexico
cn	China	tw	Taiwan
dk	Denmark	uk	United Kingdom
fr	France	th	Thailand
il	Israel		

Ví dụ: www.google.vn

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

24





World Wide Web

Trình duyệt Web (Web Browser)

- Chương trình cho phép xem và điều hướng các trang Web trên Internet;
- Các Web site được tạo ra với ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (Hyper Text Markup Language – HTML);
- HTML - Ngôn ngữ đặc biệt được sử dụng để thêm văn bản, siêu liên kết, các ứng dụng, video, âm thanh, hoạt hình vào trang Web.



[Question](#)



World Wide Web

Các thành phần chính của một trang Web

Thanh điều hướng

Hình ảnh

Trường

Nút

Siêu liên kết

Home

INTERNET AND COMPUTING CORE CERTIFICATION GLOBAL STANDARD 4

Welcome to the IC3 GS4 Microsite

Presented By CCI Learning

Home Register Login

Please note:

We are working to upgrade our systems for compliance with the latest and greatest. Until we do, please note that you may experience page rendering issues while using Internet Explorer 11. Click the **Tools** (the cog) icon at the top far right of the web browser screen, and then click **Compatibility View settings**.

Note:

cclearning.com/

If you're experiencing issues with our site while using Internet Explorer 10, please click the Compatibility Mode icon in your browser's address bar as shown.

Account Login

User Name:

Password:

Login

Welcome

This microsite is designed to be used as a companion to the CCI Learning Solutions Internet and Computing Core Certification (IC³) Guide. Students will find additional exercises, creative applications, projects, additional review questions, and practice tests to assist in practicing and reinforcing skill sets learned using the courseware. Instructors will have access to lesson plans, slides, additional resources for students, and much more.

Information on this site is arranged to follow the structure of the IC³ IC³ Certification exam. As you navigate to the content for each Lesson, you will notice the navigation bar along the top of the page. To access the course outline, click [here](#).

IC³ Gives you a Clear Advantage

In focusing on gaining the appropriate skill sets to work with a computer, one certification can set you apart from the crowd.



World Wide Web

Các mẹo trong Internet Explorer (IE)		Question
The Home button	Về trang chủ của trình duyệt: Tools ⇒ Internet Options ⇒ General tab ⇒ Home Page	Question
The Star button	- Lưu và truy cập vào các Website ưa thích (favorite); - Favorites còn được gọi là Bookmark . Star ⇒ Add to Favorites.	Question
The Gear button	Thiết lập trang chủ mặc định: Gear ⇒ Internet Options ⇒ General tab ⇒ Home page.	
The Back button	- Hiển thị các Webpage trước đó (Alt+←); - Giữ Back button hoặc (Ctrl+H) để xem lịch sử.	Question
Cache	- Bộ nhớ đệm lưu trữ các trang Web HTML; - Được sử dụng để hoàn đáp khi trang đó được truy cập lại.	Question

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

27

[Detail](#) [Hide](#)



World Wide Web

Các phím tắt sử dụng trên Internet Explorer (IE)	
Ctrl+H	Hiển thị lịch sử trình duyệt/ Ctrl+Shift+H/Click ★
Ctrl+F	Tìm một từ hoặc cụm từ trên trang đang được hiển thị
F5	Refresh (cập nhật) nội dung trang Web đang được hiển thị
Triple Click	Chọn một đoạn (Paragraph) văn bản.
Shift+Arrow	Chọn văn bản
Ctrl+C	Sao chép nội dung được chọn
Ctrl+V	Dán nội dung đã sao chép trước đó

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

28





World Wide Web

Các tính năng và chức năng của trình duyệt

Internet Explorer (IE)		- Được Microsoft phát triển vào năm 1995; - Được tích hợp trong HĐH Windows.
Mozilla Firefox		- Được phát triển bởi Mozilla Corporation và Mozilla Foundation năm 2004; - Trình duyệt Mã nguồn mở (Open Source)
Google Chrome		- Được phát triển thành sản phẩm ổn định vào năm 2008; - Là một dự án mã nguồn mở gọi là Chromium
Opera		- Được giới thiệu vào năm 1994; - Hiện nay được sử dụng trên một số loại thiết bị điện toán và thiết bị di động.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

29



World Wide Web

Các tính năng và chức năng của trình duyệt

Safari		Được thiết kế và sử dụng cho máy tính và các thiết bị điện toán của Apple
Nestcape		- Được Nestcape Communications (AOL) giới thiệu vào năm 1994. - Được sử dụng cho cả PC và Macintosh; - Năm 1998, Nestcape phát triển thành mã nguồn mở và được sử dụng để đưa ra các phiên bản của Mozilla.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

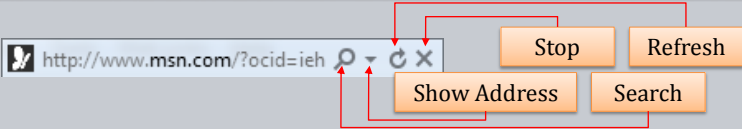
30





World Wide Web

Các chức năng của cơ bản của trình duyệt Web

Địa chỉ (URL)	Cho phép nhập địa chỉ trang Web vào thanh địa chỉ để truy xuất trang Web
	
Tải thông tin lên (Uploading)	Dữ liệu di chuyển trong dòng thông tin tải lên khi người dùng gửi/tải thông tin lên - Tốc độ tải thông thường: 128Kbps – 728Kbps - Dịch vụ DSL: 640Kbps, 1Mbps hoặc 3Mbps

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

31



World Wide Web

Các chức năng của cơ bản của trình duyệt Web

Tải thông tin xuống (Downloading)	Dữ liệu di chuyển trong dòng thông tin tải xuống đến máy người dùng từ máy chủ Web - Tốc độ tải thông thường: 1Mbps – 6Mbps - Dịch vụ DSL: 8Mbps, 12Mbps hoặc 24Mbps
--	--

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

32



World Wide Web

Các chức năng của cơ bản của trình duyệt Web

Siêu liên kết (Hyperlink)	Được hiển thị dưới dạng: - Văn bản: Được gạch dưới và tô màu, - Hình ảnh, - Các vùng cụ thể trên đối tượng đồ họa Khi trỏ chuột vào vào vùng siêu liên kết, trỏ chuột chuyển thành biểu tượng
 Module Navigation Computing Fundamentals Key Applications Living Online	

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

33

Detail

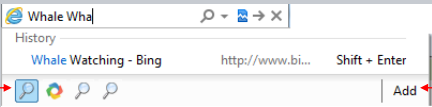
Hide





World Wide Web

Các chức năng của cơ bản của trình duyệt Web

Tìm kiếm (Searching)	Trong IE, việc tìm kiếm có thể nhập trực tiếp từ thanh địa chỉ: - Nếu nhập đầy đủ URL, Website có địa chỉ được nhập sẽ được truy xuất; - Nếu nhập một thuật ngữ hoặc một URL không đầy đủ -> danh sách các dịch vụ tìm kiếm xuất hiện -> chọn dịch vụ và khởi động quá trình tìm kiếm.
Các dịch vụ tìm kiếm  Thêm dịch vụ tìm kiếm	

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

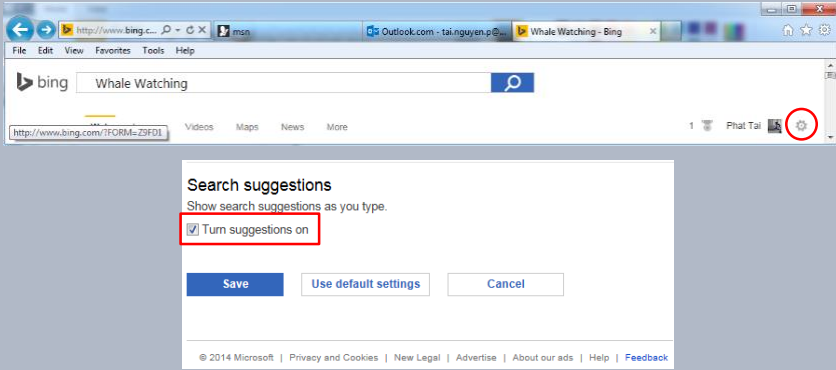
34





World Wide Web

Bật chức năng Search Suggestions trong Bing



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

35



World Wide Web

Các toán tử tìm kiếm			Question	Question
AND	Nutrition AND Apples	Cho kết quả chứa 2 từ Nutrition và Apples		
OR	Apples OR Oranges	Cho tất cả kết quả chứa Apples và tất cả kết quả chứa Oranges		
NOT	Oranges NOT Color	Cho kết quả Oranges loại trừ màu Oranges		
Combo	(Nutrition OR Vitamins) AND Apples	Cho kết quả Nutrition và Apples hoặc Vitamins và Apples		
NEAR	Nutrition NEAR Apples	Cho kết quả có Nutrition và Apples và các từ này gần nhau		
“ ”	“Red Apples”	Cho cụm từ chính xác		
Site:	“Apple Pie” AND Vegan Site: allrecipies.com	Cho kết quả trên Website www.allrecepies.com chứa Apple Pie và Vegan	Question	



World Wide Web

Các toán tử tìm kiếm

Anchor	Adventure tours anchor:camel	Cho kết quả các trang chứa các siêu liên kết tới bất kỳ tour du lịch có camel
Host	Samsung host:rogers.com	Cho kết quả các trang về sản phẩm của Samsung với tên máy chủ Web có chứa cụm từ rogers.com
image	Volcanos image:mount st. Helens	Cho kết quả các website chứa hình ảnh của núi lửa St. Helen
Link	Ic3 certification link:ccilearning.com	Cho kết quả các Website nói về IC3 có liên kết với ccilearning.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

37



World Wide Web

Các tính năng của trình duyệt

Các nút Back Forward Refresh		- Back: Quay về trước 1 trang - Forward: Di chuyển lên trước 1 trang - Tải lại hoặc hiển thị lại 1 trang
Trang chủ Home Page		- Trang chủ của trình duyệt và hiển thị mặc định - Có thể đặt trang chủ cho trình duyệt thành bất kỳ trang Web mong muốn - Có thể thiết lập Home page là một trang Web trống

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

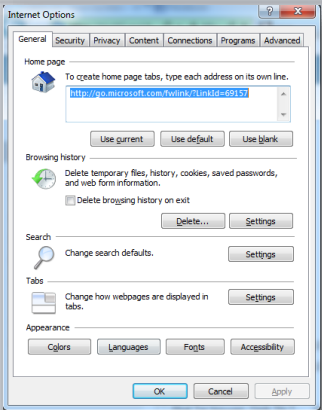
38



World Wide Web

Thay đổi trang chủ mặc định trong IE

Click  ⇒ Internet Options ⇒ General



4/19/2016

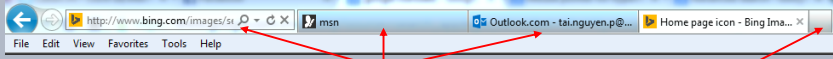
Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

39



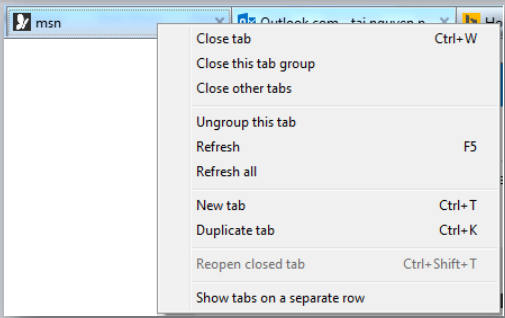
World Wide Web

Các thẻ (Tabs)



Tạo thẻ mới

- Nhấp chuột vào New Tab
- Nhấp Ctrl+T
- Nhấp chuột phải vào thẻ kích hoạt ⇒ New Tab
- File ⇒ New Tab



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

40

World Wide Web

Đánh dấu trang yêu thích (Bookmark-Favorites)

Bookmark | Đánh dấu các Website yêu thích (thường xuyên truy xuất)

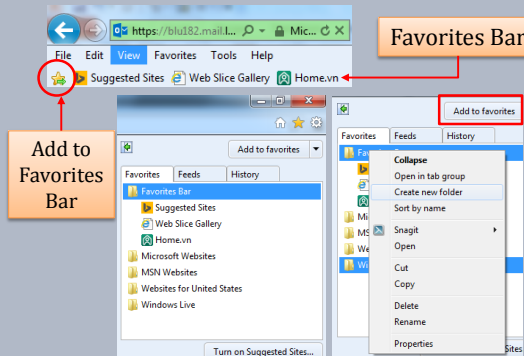
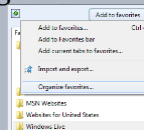
Favorite | Tên thư mục (Folder) chứa các Website đã được đánh dấu.

Mở Favorites Center:

- Nhấp chuột vào ★ hoặc
- Nhấn Ctrl+I

Tổ chức danh sách Favorite:

- Mở Favorite Center,
- Mở menu Add to Favorites
- Chọn Organize Favorites



World Wide Web

Lịch sử duyệt Web (History)

- Chức năng lưu lại URL của các Website đã được truy xuất trong thư mục history của trình duyệt trong một thời gian đã được thiết lập;
- Cho phép truy xuất lại các Website mà người dùng không nhớ chính xác địa chỉ;
- Theo mặc định, IE lưu trữ history trong thời gian 20 ngày.
- Trong trường hợp truy xuất nhiều dịch vụ, thư mục history có thể sẽ rất lớn, khó quản lý, chiếm nhiều dung lượng đĩa cứng, làm chậm tốc độ duyệt Web
- Có thể điều chỉnh thời gian lưu trữ và xóa history.





World Wide Web

Các thao tác trong History

Hiển thị History	Click ★ ⇒ History ⇒ Menu View by Date ⇒ Các tùy chọn; Chọn và click trang Web cần truy xuất lại.
Mở rộng và thu hẹp History	Click vào liên kết trong danh sách history
Xóa Website trong danh sách	Click chuột phải ⇒ Delete
Xóa History	- Click ⚙ ⇒ Safety ⇒ Delete Browsing History (Ctrl+Shift+Delete) hoặc; - Chọn Tools trên thanh Menu ⇒ Delete Browsing History hoặc; - Click ⚙ ⇒ Internet Options ⇒ General ⇒ Delete



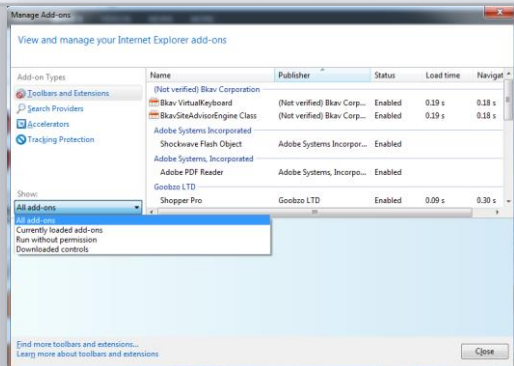
World Wide Web

Các tiện ích (Plug-ins/Add-ons)

Là các chương trình mở rộng tính năng trình duyệt (ví dụ: Windows Media Player, Adobe Flash Player,...)

Quản lý các tiện ích:

1. Click ⚙ ⇒ Manage Add-ons ⇒ Toolbars and Extensions;
2. Chọn Menu Show ⇒ Chọn mục trong Menu;
3. Chọn tiện ích trong danh sách;
4. Chọn Enable/Disable để bật tắt tiện ích

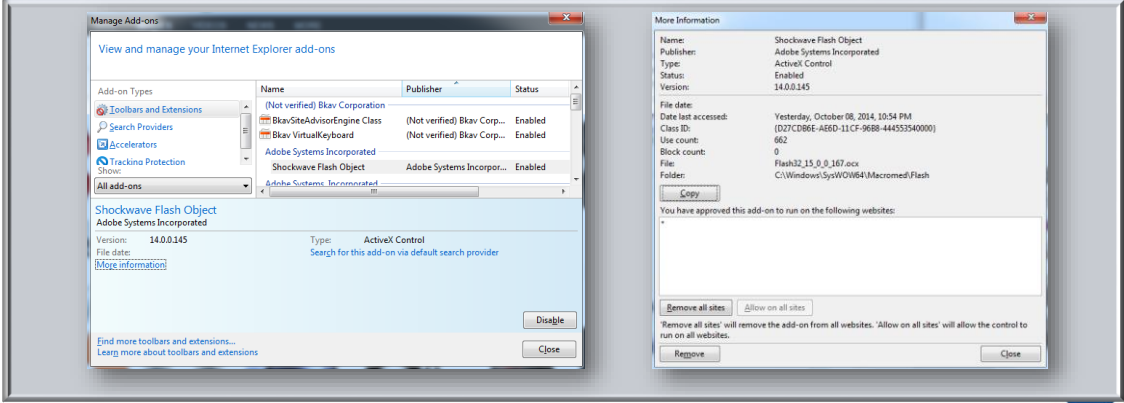




World Wide Web

Xóa các tiện ích (Plug-ins/Add-ons)

Chọn Tiện ích trong danh sách ⇒ More Information ⇒ Remove/Remove all site



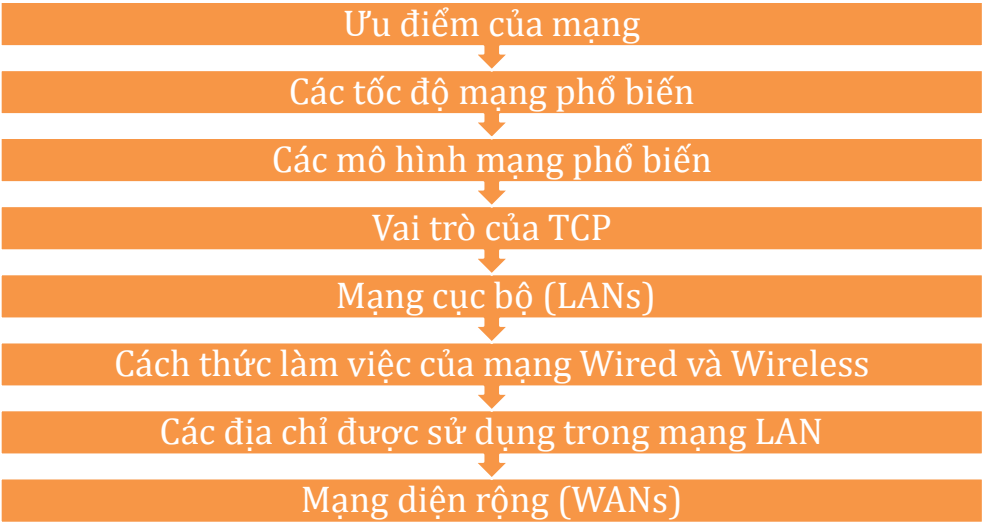
4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

45



Kết nối mạng



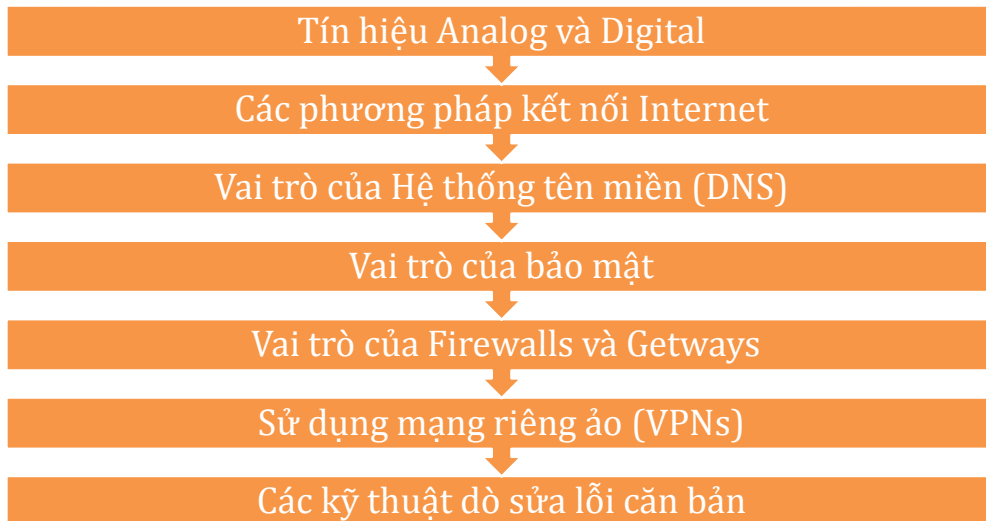
4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

46



Kết nối mạng



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

47



Kết nối mạng

Định nghĩa về mạng

Là một nhóm hai/nhiều máy tính được kết nối với nhau theo cách thức để chúng có thể giao tiếp, chia sẻ tài nguyên và trao đổi dữ liệu.

Những thành phần của mạng:

1. Các máy tính (Thường được gọi là nodes hoặc hosts)

- Thiết bị kết nối tới mạng gọi là node;
- Các máy tính kết nối tới mạng gọi là hosts.

[Question](#)

2. Phương tiện truyền dẫn cho các tín hiệu điện giữa các thiết bị

- Network Interface Card (NIC);
- Network Cable (thường là CAT5) /NIC không dây (Wireless NIC).

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

48



Kết nối mạng

Định nghĩa về mạng

3. Giao diện mạng - thiết bị gửi và nhận tín hiệu điện

- Modem (Ví dụ cáp modem từ Comcast) để kết nối tới mạng khác
 - Old dial up (telephone) modems sử dụng POTS (Plain Old Telephone Service), tốc độ 56Kbps;
 - Một cáp modem điển hình có tốc độ 54Mbps, nhanh hơn gần 1000 lần.
- Hub: Điểm kết nối đơn giản chuyển tiếp thông tin đến tất cả các kết nối khác;
- Router (bộ định tuyến): Quản lý lưu lượng truy cập (vào/ra) trên mạng;
- Switch: Kết nối máy tính bổ sung cho các bộ định tuyến. Tốt hơn so với một Hub;
- Khách hàng Comcast sử dụng kết hợp router/modem.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

49



Kết nối mạng

Định nghĩa về mạng

4. Protocol: Quy tắc/tiêu chuẩn mô tả các máy tính giao tiếp và trao đổi dữ liệu như thế nào. Nhờ có tiêu chuẩn, các thiết bị từ các nhà sản xuất khác nhau có thể giao tiếp được với nhau.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

50



Kết nối mạng

Ưu điểm của việc sử dụng mạng

- 1. Chia sẻ các tập tin,
- 2. Chia sẻ nguồn tài nguyên
- 3. Truy cập Internet

[Question](#)

Tốc độ mạng

-Là khả năng truyền tải thông tin được đo bằng số lượng bit;
Tốc độ truyền tải dữ liệu trong mạng được đo bằng bit/giây (bps)

Đơn vị đo	Tương ứng
bps	Bit trên giây
Kbps	1.000 bit trên giây
Mbps	1.000.000 bit trên giây
Gbps	1.000.000.000 bit trên giây



Kết nối mạng

Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ mạng

- 1. Loại thiết bị truyền thông (dây đồng, cáp quang, dung lượng trống,...);
- 2. Chuẩn mạng được sử dụng (chuẩn khác nhau hỗ trợ tốc độ khác nhau);
- 3. Lưu lượng mạng;
- 4. Tốc độ của các thiết bị mạng (card mạng, modem, hub, switch,...).

Băng thông (Bandwidth): Khả năng truyền tải dữ liệu trên mạng





Kết nối mạng

Mô hình mạng

Mô hình Khách/Chủ (Client/Server)

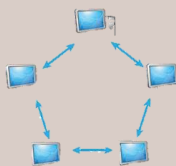
[Question](#)

- Còn gọi là mạng dựa trên máy chủ;
- Sử dụng trong nhiều doanh nghiệp;
- Các máy tính PC được gọi là hệ thống máy khách;
- Bảo mật hơn mạng ngang hàng.



Mô hình Mạng ngang hàng (Peer to Peer)

- Các máy tính tham gia có vai trò như nhau (gọi là host);
- Không có máy chủ trung tâm;
- Windows 7 HomeGroup/MS Windows Workgroup



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

53



Kết nối mạng

Mô hình mạng

Mô hình dựa trên nền Internet

- Gọi là mạng liên kết nối;
- Chỉ cần trình duyệt Web để kết nối.



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

54



Kết nối mạng

TCP/IP (Transmission Control Protocol/Internet Protocol) và mạng

- Là bộ giao thức chuẩn cho cả mạng LAN, WAN, Internet,
- Là bộ giao thức cung cấp các services hỗ trợ mà users thực hiện trên Web,
- Tất cả các HĐH (Windows, Mac OS, UNIX/Linux) đều hỗ trợ giao thức TCP/IP,
- TCP được sử dụng để download tập tin



Kết nối mạng

Kích cỡ mạng (Network Sizes)

Personal Area Networks (PAN)	- Bao gồm các khu vực nhỏ xung quanh không gian làm việc; - Cho phép người dùng chuyển các file và truy cập vào printer và hardware khác; - Bao phủ khoảng cách trong phạm vi 10 mét; - Được sử dụng để kết nối các thiết bị duy nhất một người sử dụng với máy tính của họ.
Local Area Network (LAN)	- Mạng LAN thường nằm trong cùng một VP hay tòa nhà; - Có một tốc độ cao và tỷ lệ lỗi thấp; - Có thể được đo bằng mét vì kích thước địa lý nhỏ.

[Question](#)





Kết nối mạng

Kích cỡ mạng (Network Sizes)

Wide Area Network (WAN)

- Mạng riêng bao phủ trên một khu vực địa lý rộng lớn;
- Kết nối giữa các máy tính tại nhiều địa điểm;
- Được sử dụng để kết nối các địa điểm văn phòng khác nhau của một công ty lớn;
- Bao gồm nhiều mạng LAN kết nối với nhau.

Controller Area Network (CAN)

- Sử dụng cho các hoạt động kiểm soát thời gian thực (đo lường và kiểm soát nhiệt độ, chất lỏng, thời gian, ...);
- Ban đầu được phát triển để sử dụng trong xe,
- Cơ chế bảo vệ lỗi tuyệt vời để ngăn chặn các vấn đề phát sinh;
- Gửi thông điệp ngắn hơn so với các mạng khác.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

57



Kết nối mạng

Mạng cục bộ LAN (Local Area Network)

- Kết nối từ 2 đến hàng trăm máy tính và máy chủ;
- Mạng LAN nhỏ: Mạng gia đình kết nối vài máy tính, máy in - không có máy chủ - là mạng ngang hàng (P2P)
- Mạng LAN lớn: (mạng dựa trên máy chủ) được sử dụng cho doanh nghiệp. Người dùng cần đăng nhập để truy cập các dịch vụ và tài nguyên mạng.

Kết nối mạng LAN

- Card giao tiếp mạng NIC (Network Interface Card)
- Thiết bị truyền thông (Wired/Wireless)

NIC



Wired/Wireless





Kết nối mạng

Các thiết bị LAN phổ biến

Hub Question	- Thiết bị kết nối trung tâm; - Thu thập các tín hiệu từ các thiết bị mạng cá nhân, khuếch đại tín hiệu và gửi đến tất cả các thiết bị kết nối khác.
Switch	- Kiểm tra các gói dữ liệu khi nhận được; - Xác định các thiết bị nguồn và đích của gói tin và chuyển tiếp gói tin đó một cách thích hợp ⇒ giúp làm giảm lưu lượng mạng tổng thể.
Router Question	- Thiết bị kết nối hai/nhiều mạng; - Theo dõi đường truyền tốt nhất cho thông tin ⇒ hạn chế việc tắc nghẽn; - Cho phép hoặc từ chối truyền thông mạng với một mạng cụ thể.



Kết nối mạng

Các thiết bị LAN phổ biến

Wired	-Cáp mạng sử dụng phổ biến trong mạng LAN theo tiêu chuẩn Ethernet là cáp xoắn đôi (Twisted Pair còn gọi là RJ-45) -Có thể chuyển dữ liệu với tốc độ 10Mbps, 100Mbps, 1Gbps hoặc 10Gbps.
Wireless Question	-Trong WLANs một điểm truy cập không dây đóng vai trò thiết bị trung tâm; -Điểm truy cập không dây kết nối với LAN thông qua một kết nối Wired, -Wireless chậm hơn Wired. Tốc độ phổ biến 11Mbps, 54Mbps và 300Mbps, phụ thuộc vào chuẩn WLANs sử dụng





Kết nối mạng

Cách sử dụng địa chỉ trên LAN

- Để giao tiếp với mạng và giao tiếp với nhau, mỗi máy tính cần có một địa chỉ duy nhất;
- Có hai loại địa chỉ: MAC và IP

MAC (Media Access Control)

- Mỗi NIC có một địa chỉ duy nhất tồn tại bên trong bởi nhà sản xuất gọi là **địa chỉ truy cập thiết bị**/địa chỉ vật lý;
- Được sử dụng để ghi nhận địa chỉ bởi các thiết bị trong cùng một LAN (không phải ngoài LAN);
- Để gửi dữ liệu ra ngoài LAN, địa chỉ IP được sử dụng.



Kết nối mạng

Cách sử dụng địa chỉ trên LAN

IP (Internet Protocol)

[Question](#)

- Được sử dụng để đánh địa chỉ cho các thiết bị khác LAN
- IP là giao thức nằm trong bộ TCP/IP.
- Mỗi máy tính trong mạng TCP/IP có một địa chỉ để phân biệt với các máy tính khác trên mạng;
- IP có hai phiên bản IPv4 và IPv6;
- Tất cả các thiết bị hỗ trợ trên mạng (máy in mạng, router,...) cần có một địa chỉ IP





Kết nối mạng

Cách sử dụng địa chỉ trên LAN

Một số điểm quan trọng của địa chỉ IP

- Địa chỉ IPv4 có chiều dài 32 bit và được chia thành 4 phần, mỗi phần cách nhau bởi dấu chấm. Ví dụ: 200.168.212.226;
- Địa chỉ IP không tồn tại mãi. Các địa chỉ IP được cho thuê và được gán cho các máy tính trên mạng theo một chu kỳ thời gian xác định. Nếu máy tính chuyển từ mạng này sang mạng khác thì địa chỉ IP sẽ thay đổi;
- Địa chỉ IP cung cấp 2 thông tin xác định:
 - Mạng đang sử dụng;
 - Máy tính trên mạng;
- Một máy tính cần có một địa chỉ IP để kết nối Internet;
- Một địa chỉ IP cần duy nhất bên trong mạng cũng như duy nhất trên Internet.



Kết nối mạng

Cách sử dụng địa chỉ trên LAN

Một số điểm quan trọng của địa chỉ IP

- Địa chỉ mạng (định danh hoặc ID mạng): Được chỉ ra bởi một số lượng bit bắt đầu từ các bit phía ngoài cùng bên trái; Ví dụ trong địa chỉ 200.168.212.226/24, địa chỉ mạng là 200.168.212;
- Địa chỉ máy tính (host): Các bit còn lại sau khi xác định địa chỉ mạng. Ví dụ trong địa chỉ 200.168.212.226/24, địa chỉ host là 226



Kết nối mạng

Cách sử dụng địa chỉ trên LAN

Xác định địa chỉ IP	-Địa chỉ IP có thể được gán một cách thủ công và được cấu hình bởi nhà quản trị mạng; -Địa chỉ IP cũng có thể được gán và cấu hình một cách tự động qua dịch vụ DHCP (Dynamic Host Configuration Protocol);
Địa chỉ IP xuất phát từ đâu	-Địa chỉ IP được phát hành bởi ICANN (Internet Corporation for Assigned Names and Numbers); -ICANN cung cấp khối địa chỉ IP tới các ISP (Internet Service Provider). Từ đây, các địa chỉ IP được cấp phát đến Users.
Subnet Mark	Tương tự địa chỉ IP, được các thiết bị mạng sử dụng để xác định mạng đích là mạng LAN hay mạng từ xa.
Default Gateway	-Là địa chỉ IP của thiết bị mạng cung cấp đầu ra cho mạng LAN; -Thường là bộ Router. -Để truy cập Internet, hệ thống cần biết IP của Default Gateway.



Kết nối mạng

Các dải địa chỉ dành riêng

- Ngoài dãy địa chỉ IP công cộng được sử dụng để kết nối Internet, ICANN còn cung cấp những dãy địa chỉ IP dành riêng;
- Những IP dành riêng được sử dụng để truyền thông bên trong phạm vi mạng LAN;
- Không có khả năng định tuyến, không hỗ trợ IP trên Internet

Các dải IP dành riêng	Từ 10.0.0.0 đến 10.255.255.255
	Từ 172.16.0.0 đến 172.31.255.255
	Từ 192.168.0.0 đến 192.168.255.255
Hầu hết các mạng gia đình sử dụng dải địa chỉ 192.168.0.0 – 192.168.255.255	





Kết nối mạng

Địa chỉ nội bộ (Private Address) và kết nối Internet

Bằng cách nào các mạng gia đình sử dụng dải địa chỉ 192.168.x.x có thể kết nối với Internet?

Thông qua DSL (Digital Subscribe Line) hoặc Modem hoặc Modem kết hợp Router thực hiện các chức năng:

- 1. Gán địa chỉ mạng nội bộ (192.168.1.x) và thiết lập mạng LAN nội bộ;
- 2. Sử dụng công nghệ chuyển đổi địa chỉ mạng NAT (Network Address Translation) để chuyển IP nội bộ thành IP được hiểu trên Internet



Kết nối mạng

Mạng diện rộng WAN (Wide Area Network)

Bao gồm hai/nhiều mạng LAN kết nối nhau theo đường dây của các ISP truyền tải công cộng.

So sánh LAN và WAN

LAN	WAN
-Kết nối cục bộ trong phạm vi gia đình/công ty; -Tổ chức sở hữu mọi thành phần LAN -Tốc độ truyền tải 10-100 Mbps hoặc 1Gbps (nếu sử dụng Gigabit Ethernet).	-Kết nối trên phạm vi rộng (thành phố, bang,...); -Tổ chức phải thuê một vài thành phần cần thiết để truyền tải dữ liệu (đường truyền tốc độ cao); -Tốc độ truyền tải 1.5 – 44.736 Mbps.





Kết nối mạng

Các mạng chuyển mạch công cộng

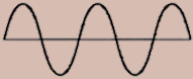
Mạng điện thoại chuyển mạch công cộng PSTN (Public Switched Telephone Network):

- Cung cấp dịch vụ điện thoại trên toàn thế giới và tích hợp mạng WAN;
- Các ISP truyền tải công cộng cho thuê đường truyền tốc độ cao và băng thông đảm bảo;
- Các ISP thuê đường truyền từ các nhà cung cấp dịch vụ truyền tải công cộng.

Các loại tín hiệu truyền tải thông tin điện tử

Analog

- Có cường độ và tần số biến đổi;
- Được đo bằng tần số hoặc Hertz



Digital

- Chỉ chứa hai giá trị 0 và 1
- Được đo bằng bps



Kết nối mạng

Các mạng chuyển mạch công cộng

Mạng điện thoại số

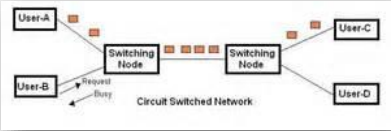
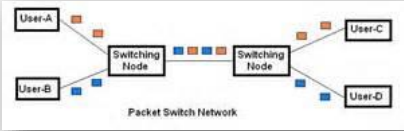
- Ngày nay hầu hết PSTN đều sử dụng công nghệ số ngoại trừ một phần nhỏ mở rộng từ Center Office (CO) của Cty điện thoại đến gia đình và văn phòng người sử dụng dịch vụ;
- Phần mở rộng này gọi là “lắp cục bộ” và sử dụng đường dây analog để cung cấp dịch vụ điện thoại thuần (POTS – Plain Old Telephone Service);
- Tín hiệu analog cuộc thoại được chuyển đến CO và được truyền đến bộ chuyển mạch để được số hóa và được chuyển đến trung tâm số của mạng điện thoại.
- Khi cuộc thoại đến CO bên nhận, thông tin sẽ được phân giải về tín hiệu analog và chuyển đến lắp cục bộ bên nhận cuộc gọi.





Kết nối mạng

Các mạng chuyển mạch công cộng

Chuyển mạch vòng (Circuit Switching)	Chuyển mạch gói (Packed Switching)
- Là công nghệ truyền tải thông tin sử dụng đường vật lý chuyên dụng để gửi và nhận thông tin; - PSTN, POTS, ISDN và các đường thuê bao riêng sử dụng công nghệ chuyển mạch vòng.	- Là công nghệ truyền tải thông tin không sử dụng đường vật lý chuyên dụng để gửi và nhận thông tin; - Các mạng dữ liệu, Internet (DSL và Internet Cable) sử dụng công nghệ chuyển mạch gói.
	

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

71



Kết nối mạng

Kết nối Internet

Kết nối quay số

- Phải kích hoạt (quay số) khi sử dụng; - Phương pháp kết nối Internet với chi phí thấp	Question Question
Kết nối POTS (Plain Old Telephone Service)	Mạng số dịch vụ tích hợp ISDN (Integrated Service Digital Network)
-Yêu cầu sử dụng modem để máy tính truyền tải dữ liệu qua đường dây thoại analog; -Tốc độ truyền tải tối đa 56Kbps.	- Sử dụng đường dây thoại Digital; - Tốc độ truyền tải tối đa 128Kbps; - Ngày nay ISDN được thay thế bởi Cable và DSL (Digital Subscribe Line).

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

72



Kết nối mạng

Kết nối Internet

Kết nối trực tiếp – Băng thông rộng

- Luôn luôn được kích hoạt $\Rightarrow$ truy cập Internet liên tục qua các kết nối bền vững
- Hoạt động trên băng thông rộng;
- Tốc độ truyền tải 1.544Mbps hoặc cao hơn.

Đường dây thuê bao riêng

- Kết nối bền vững giữa hai/nhiều điểm mà khách hàng có thể thuê từ công ty điện thoại;
- Được sử dụng phổ biến bởi các doanh nghiệp để kết nối Internet;
- Tin cậy, bảo mật, chi phí cao.

Đường dây thuê bao số DSL (Digital Subscribe Line)

- Được cung cấp bởi công ty điện thoại hoặc ISP viễn thông;
- Sử dụng đường dây thoại kỹ thuật số và modem DSL;
- Cung cấp cho users kết nối riêng biệt (không chia sẻ băng thông)



Kết nối mạng

Kết nối Internet

Kết nối trực tiếp – Băng thông rộng

DSL (Digital Subscribe Line)

- Chất lượng và tốc độ truyền tải phụ thuộc vào khoảng cách giữa thiết bị đầu cuối và trung tâm ISP;
- Phụ thuộc vào việc có hỗ trợ DSL hay không của các thiết bị kết nối và dây tải của công ty điện thoại;
- Phụ thuộc vào chất lượng dây dẫn.

ADSL (Asymmetric DSL) [Question](#)

- Là một loại dịch vụ DSL;
- Phân chia tần số không đều nhau: Tần số Download nhiều hơn tần số Upload $\Rightarrow$ tốc độ Download > tốc độ Upload;
- Tốc độ thông dụng: Download 1.5Mbps, Upload 640Kbps;
- Tốc độ cao: Download 8Mbps, Upload 640Kbps.





Kết nối mạng

Kết nối Internet

Kết nối trực tiếp – Bảng thông rộng

ADSL2	-ADSL2: Download 12Mbps, Upload 1Mbps
ADSL2+	-ADSL2+: Download 24Mbps, Upload 3Mbps
SDSL	-Không cho phép sử dụng điện thoại trong cùng một thời điểm; -Tốc độ Download = Upload = 3Mbps



Kết nối mạng

Kết nối Internet

Kết nối trực tiếp – Bảng thông rộng

Cable	- Là công nghệ băng thông rộng và là đối thủ cạnh tranh trực tiếp với ADSL; - Sử dụng cáp TV (CATV) đồng trục để truyền tải thông tin; - Modem Cable kết nối với hệ thống đầu cuối Modem Cable (CMTS); - Tốc độ lý thuyết 30Mbps; - Tốc độ thực tế: Download 1-6 Mbps, Upload 128-768 Kbps
--------------	--





Kết nối mạng

Kết nối Internet

Kết nối trực tiếp – Băng thông rộng

Các bộ định tuyến băng thông rộng	- Trong mạng gia đình, DSL/Modem được xem là bộ định tuyến kết nối máy tính với Internet và thường được gọi là cổng vào ra mạng; - Modem này cho phép nhiều users chia sẻ kết nối Internet; - Bộ định tuyến băng thông rộng bao gồm các cổng Ethernet trong đó 1 cổng thiết kế thành cổng WAN hay Internet. Kết nối đầu cấp với cổng WAN, đầu còn lại trên DSL/Modem cho phép bộ định tuyến kết nối Internet. 
--	---



Kết nối mạng

Kết nối Internet

Các yếu tố ảnh hưởng đến độ thực thi

Lực lượng mạng	Nhiều người dùng chia sẻ một kết nối Internet đồng thời
Kết nối Wired/Wireless	- Wireless LAN chậm hơn so với Wired LAN; - Các Wireless N LAN hoặc 802.11n LAN hoạt động ở tốc độ 300Mbps
Kết nối quay số	Các tập tin hình ảnh, audio, video làm chậm quá trình tải một Website một cách trầm trọng
Nhiều thẻ trình duyệt mở đồng thời	Các Browser cung cấp khả năng duyệt nhiều Website trên các thẻ tại một thời điểm. Tuy nhiên, nhiều thẻ mở đồng thời sẽ làm giảm tốc độ duyệt Web





Kết nối mạng

Hệ thống tên miền DNS (Domain Name System)

- Dịch vụ ánh xạ tên miền duy nhất tới một địa chỉ IP cụ thể;
- Ánh xạ được lưu trữ trên DNS Database;
- DNS phân giải các địa chỉ IP thành tên dạng văn bản.

[Question](#)

Ví dụ: Phân giải IP 96.53.78.108 thành www.ccilearning.com ⇒ có thể truy nhập trang Web Microsite bằng địa chỉ www.ccilearning.com thay vì 96.53.78.108

- Chức năng phân giải tên miền thành IP được thực hiện bởi máy chủ DNS

Ví dụ: Khi nhập tên miền www.ccilearning.com vào thanh địa chỉ, Webbrowser liên lạc với DNS Server để lấy địa chỉ IP 96.53.78.108 và cho hiển thị trang Web Microsite.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

79



Kết nối mạng

Bảo mật (Security)

Sự cần thiết

- Khi LAN kết nối với WAN, LAN có thể giao tiếp với hệ thống ngoài LAN ⇒ dễ bị tấn công;
- Khi máy tính kết nối mạng, thông tin lưu trữ trên mạng có thể được truy cập bởi bất kỳ máy tính nào trên mạng;
- Khi một máy tính kết nối Internet, bất kỳ máy tính nào kết nối Internet cũng có thể kết nối với máy tính này.

Mạng riêng và mạng công cộng

Bất kỳ hệ thống nào kết nối với LAN qua Internet đều đặc biệt không tin cậy do Internet là mạng mở/mạng không tin cậy.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

80





Kết nối mạng

Bảo mật (Security)

Xác thực và điều khiển truy cập

[Question](#)

- Xác thực (Authentication) là quá trình xác minh định danh của users vào hệ thống mạng. Phương pháp duy nhất là sử dụng Username và Password;
- Điều khiển truy cập (Access Control) là tiến trình cho phép những ai có thể truy cập vào tài nguyên/dịch vụ cụ thể;
- Authentication và Access Control là một biện pháp bảo mật trong LAN.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

81



Kết nối mạng

Tường lửa/Cổng vào ra mạng (Firewall/Gateway)

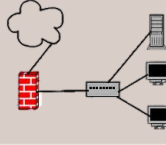
Tường lửa (Firewall)



- Là hàng rào bảo mật điều khiển dòng thông tin giữa Internet và LAN;
- Tường lửa có thể là:
 - Một hệ thống máy tính riêng;
 - Một thiết bị chuyên dụng;
 - Tích hợp trên thiết bị mạng (Router).

[Question](#)

Cổng vào ra mạng (Gateway)



- Bộ định tuyến (Router) được cấu hình để bảo vệ mạng bằng cách kiểm tra gói tin vào/ra mạng;
- Router sử dụng tiến trình “lọc gói dữ liệu/Filtering Packets” để xác định những gì được phép/không được phép vào trong mạng;
- Lọc gói dữ liệu không phải là phương pháp linh hoạt và hiệu quả ⇒ chỉ được xem là phương pháp phòng thủ đầu tiên.





Kết nối mạng

Tường lửa/Cổng vào ra mạng (Firewall/Gateway)

Các chức năng nâng cao của tường lửa	Kiểm tra trạng thái (Stateful Inspection)
	- Được xây dựng trên nguyên tắc bộ lọc gói dữ liệu bằng cách duy trì thông tin trạng thái của mỗi kết nối đang hoạt động; - Khi gói dữ liệu đến tường lửa, kỹ thuật lọc sẽ kiểm tra gói dữ liệu có nằm trong kết nối đang hoạt động hay không; - Nếu không thuộc kết nối đang hoạt động, tường lửa sẽ kiểm tra các quy tắc của nó để xác định gói dữ liệu có được phép qua tường lửa hay không; - Nguyên tắc Kiểm tra trạng thái hoạt động rất hiệu quả, chi phí thấp nên được sử dụng rộng rãi trong doanh nghiệp

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

83



Kết nối mạng

Tường lửa/Cổng vào ra mạng (Firewall/Gateway)

Các chức năng nâng cao của tường lửa	Proxy Service
	- Proxy thay thế các IP mạng bằng một địa chỉ IP đơn để nhiều hệ thống có thể sử dụng; - Thông qua kỹ thuật chuyển đổi địa chỉ mạng NAT (Network Address Translation), các hệ thống kết nối mạng nội bộ từ bên ngoài có thể được ẩn một cách hiệu quả. Question

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

84



Kết nối mạng

Tường lửa/Cổng vào ra mạng (Firewall/Gateway)

Tường lửa tích hợp vào phần mềm (Desktop Firewalls)	- Tường lửa có thể triển khai qua phần mềm; - Bảo vệ từng hệ thống cá nhân đơn lẻ thay vì cả mạng. Ví dụ: Windows Firewall, Norton 360, Zone Alarm Internet Security Suite.
Các cổng của tường lửa (Firewall Gates)	- Các cổng được đánh số từ 0 – 65.535; - Các truyền thông http sử dụng cổng 80; - Dịch vụ DNS sử dụng cổng 53.
Những thách thức khi triển khai tường lửa	Thiết lập tường lửa có thể chặn truy cập vào các Web site/các dịch vụ Internet/các dòng thông tin như âm thanh, video vào bên trong mạng

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

85

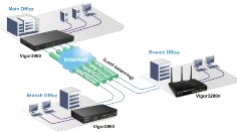


Kết nối mạng

Mạng riêng ảo VPN (Virtual Private Network)

- Là một kết nối được mã hóa giữa hai máy tính;
- Cho phép bảo mật giữa các khoảng cách xa sử dụng Internet như một đường truyền thay vì sử dụng đường truyền riêng chuyên biệt;
- VPN rất hữu dụng cho những liên lạc từ xa.

Sử dụng VPN	- Để mạng hỗ trợ kết nối VPN, máy chủ VNP cần được thiết lập để nhận các kết nối đến; - Users muốn kết nối từ một vị trí từ xa cần phải cài đặt và khởi động chương trình VPN khách để mở kết nối; - Đăng nhập Username, Password.
--------------------	--



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

86



Kết nối mạng

Bảo mật mạng không dây Wi-Fi (Wireless - Fidelity)

- Wireless sử dụng sóng vô tuyến để nhận và gửi thông tin ⇒ dễ bị xâm nhập;
- Điểm truy cập không dây dễ dàng truy cập nếu không được bảo mật. [Question](#)

Mã hóa không dây

- Mã hóa và giải mã được thực hiện thông qua các khóa;
- Users cần nhập Password khi lần đầu kết nối với điểm truy cập

Kỹ thuật mã hóa mạng không dây

WEP (Wired Equivalent Privacy)

- Là kỹ thuật bảo mật ban đầu;
- WEP mã hóa tất cả các gói dữ liệu gửi đi giữa khách hàng và điểm truy cập nhưng lại sử dụng các thông tin trao đổi không được mã hóa trong suốt quá trình xác thực.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

87



Kết nối mạng

Bảo mật mạng không dây Wi-Fi (Wireless - Fidelity)

Kỹ thuật mã hóa mạng không dây

Wifi Protected Access (WPA/WPA2)

- Cung cấp khả năng bảo mật hơn WEP;
- Không yêu cầu hardware mạng không dây (NIC và điểm truy cập);
- WPA tương thích với hầu hết thiết bị Wi-fi thế hệ cũ;
- WPA2 bảo mật tốt nhất nhưng yêu cầu Wi-fi Modem thế hệ mới.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

88





Kết nối mạng

Khắc phục sự cố mạng

Là quá trình phân tích và lọc bỏ các nguyên nhân phát sinh vấn đề một cách hợp lý và sau đó khắc phục nguyên nhân gây ra các sự cố.

**Khắc
phục sự
cố
phần
cứng**

Đèn chỉ báo

Hầu hết các thiết bị mạng (NIC, Hub, Switch, Router, Broadband, Modem đều có hệ thống đèn chỉ báo để thông báo cách thức hoạt động của thiết bị ⇒ Kiểm tra đèn chỉ báo để xác định vấn đề nào có thể gây ra sự cố kết nối mạng.



Kết nối mạng

Khắc phục sự cố về địa chỉ

Để kết nối Internet thành công, địa chỉ IP, Subnet Mask, Default Gateway cần được cấu hình đúng chuẩn.

**Kiểm tra
thiết lập
cấu hình**

[Question](#)

- Sử dụng tiện ích **ipconfig**;
- **Start ⇒ cmd (Enter) ⇒ Nhập ipconfig (Enter)**;
- Quan sát cụm từ **IPv4 Address....**
 - Nếu IP = 0.0.0.0 ⇒ hệ thống không thể liên lạc DHCP, IP không hợp lệ;
 - Nếu IP = 169.254.x.x (địa chỉ IP dành riêng) và Subnet Mask = 255.255.0.0 ⇒ hệ thống không liên lạc DHCP và nó sử dụng APIPA (Windows Automatic Private IP Addressing) để tự cấu hình IP ⇒ Kiểm tra cáp mạng, khởi động lại các thiết bị mạng





Kết nối mạng

Khắc phục sự cố về địa chỉ

Kiểm tra kết nối địa chỉ

[Question](#)

- Sử dụng tiện ích **ping**;
- Nếu nhận được một/nhiều bản tin trả về ⇒ kết nối được xác lập;
- Sử dụng **ping [ip_address]** hoặc **ping [tên miền]** để xác định nơi bị ngắt kết nối. Nếu **ping** không thành công ⇒ DNS không đúng chức năng hoặc không thể kết nối;
- **Start ⇒ cmd (Enter) ⇒ Nhập ping [ip_address]/[tên miền] (Enter)**

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

91



Kết nối mạng

Khắc phục sự cố về thiết lập bảo mật

Thiết lập bảo mật có thể là nguyên nhân gây ra sự cố kết nối.

Bảo mật Wi-fi

- Đảm bảo nhập Password chính xác;
- Đảm bảo xác định đúng phương pháp mã hóa (WEP, WPA hoặc WPA2)
- **Start ⇒ Control Panel ⇒ View network status and tasks ⇒ Change adapter settings ⇒ Chọn Wireless Network Connection ⇒ View Status of this connection ⇒ Wireless Properties Security ⇒ Security type**

Cấu hình Firewall

- Phụ thuộc vào chính sách bảo mật của đơn vị;
- Các thủ tục cài đặt các chương trình hoạt động trên Internet thường mở các cổng Firewall thích hợp. Nếu gặp sự cố ⇒ xem Website các nhà phân phối về Firewall ⇒ thay đổi Firewall thích hợp .

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

92





Truyền thông kỹ thuật số

Những hình thức truyền thông điện tử khác nhau



Nhận biết người dùng trên các hệ thống truyền thông



Các phương pháp truyền thông khác nhau



Sử dụng truyền thông điện tử thích hợp



Ưu điểm của truyền thông điện tử



Cấu tạo địa chỉ thư điện tử



Nhận dạng các thành phần thư điện tử



Sử dụng các tập tin đính kèm hiệu quả

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

93



Truyền thông kỹ thuật số

Tìm hiểu các thức đối phó với thư rác



Những vấn đề phổ biến trong truyền thông điện tử

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

94





Truyền thông kỹ thuật số

Những hình thức truyền thông điện tử (TTĐT)

- TTĐT là hình thức truyền thông sử dụng phương pháp điện tử;
- Thư điện tử (Email), tin nhắn tức thời (Instant Message), tin nhắn văn bản (text Message), thoại qua giao thức Internet (VoIP), Hội nghị truyền thông (Video Conferencing), nhật ký cá nhân (Blog) là các phương pháp TTĐT.

Đặc điểm TTĐT

Có thời gian thực (real time) và độ trễ (delay)

[Question](#)

- Thời gian thực: Thông tin gửi/nhận tức thời;

[Question](#)

- Độ trễ: Tồn tại một thời gian giữa việc gửi/nhận.



VoIP



Truyền thông kỹ thuật số

Thư điện tử (Electronic Mail – Email)

- Người nhận/gửi cần phải có một tài khoản do ISP/tổ chức cung cấp;
- Là phương pháp chuẩn và phổ biến để trao đổi thông tin khi phản hồi chưa phải ở mức độ khẩn cấp;
- Là một trong những phương pháp chia sẻ tập tin (Attached File)
- Các chương trình phổ biến: MS Outlook, Google Gmail, MSN Hotmail, Apple Mail.



[Question](#)

[Question](#)





Truyền thông kỹ thuật số

Tin nhắn tức thời (Instant Message)

- Còn được gọi là IM;
- Là hình thức TTĐT cho phép hai/nhiều người tham gia “trò chuyện” theo thời thực bằng cách nhập các tin nhắn (Message) vào cửa sổ của chương trình IM
- Các chương trình phổ biến: Windows Live Messenger, ICQ, Gmail Chat, Yahoo! Messenger;
- Để sử dụng tin nhắn tức thời, người dùng cần tạo tài khoản với Username và Password.

Từ tháng 04/2013 Windows Live Messenger được thay thế bằng Skype



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

97



Truyền thông kỹ thuật số

Tin nhắn văn bản (Text Message)

- Được gửi qua mạng di động của nhà cung cấp sử dụng giao thức Dịch vụ nhắn tin ngắn SMS (Short Message Service);
- Tin nhắn văn bản được tạo và gửi từ điện thoại di động (hoặc các thiết bị di động);
- Bên cạnh dịch vụ SMS, nhiều nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ Dịch vụ tin nhắn đa phương tiện MMS (Multimedia Messaging Service).

Truyền thông chéo (Crossing Over)

- Các tin nhắn điện tử có thể tồn tại trong nhiều thức và có thể chuyển đổi từ cách thức truyền thông này sang cách thức truyền thông khác
 - Gửi SMS đến ĐTDĐ sử dụng Email;
 - Nhập SMS trên Website và gửi tới ĐTDĐ

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

98



Truyền thông kỹ thuật số

Thoại qua giao thức Internet VoIP (Voice over Internet Protocol)

- Cho phép thực hiện các cuộc gọi thoại sử dụng kết nối Internet băng thông rộng;
- VoIP còn được gọi là Điện thoại Internet (Internet Telephony) hoặc thoại trên nền băng thông rộng VoBB (Voice over BroadBand);
- VoIP giúp tiết kiệm một khoản chi phí khá lớn nhưng để triển khai, mạng dữ liệu phải được hiện đại hóa đáng kể để truyền tải dữ liệu thoại.



[Question](#)



Truyền thông kỹ thuật số

Hội nghị truyền hình (Video Conferencing)

- Cho phép mọi người ở các địa điểm khác nhau, cách xa nhau có thể tham gia vào một hội nghị (conference);
- Hữu dụng trong việc thực hiện các bài giảng trực tuyến hoặc các cuộc họp với nhân viên ở những địa điểm cách xa nhau.

[Question](#)

[Question](#)

Yêu cầu của hệ thống

- Camera phải được đặt ở vị trí phù hợp;
- Hình ảnh với kích thước tương ứng với ngoài đời thực;
- Hình ảnh rộng để có thể thấy các chi tiết nhỏ hơn, nhưng không nhỏ hơn 70% kích thước trong đời thực;
- Điều chỉnh khoảng cách phù hợp đối với người tham gia tại vị trí tính từ chiều cao mặt bàn trở lên;
- Hình ảnh chất lượng cao (độ phân giải)
- Âm thanh chất lượng cao

Đặc điểm

Hệ thống có chức năng trao quyền/thu hồi quyền diễn thuyết.





Truyền thông kỹ thuật số

Phòng trò chuyện trực tuyến (Chat room)

- Được thiết kế riêng trên Internet để những người có cùng sở thích có thể giao tiếp với nhau bằng cách nhập thông tin từ bàn phím;
- Khi tin nhắn được đăng lên, tất cả các thành viên đang tham gia đều có thể thấy được ⇒ không thể gửi tin nhắn cho cá nhân riêng lẻ;
- Chat room có thể được quản lý bởi người điều hành nhằm tránh những vấn đề không phù hợp.



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

101



Truyền thông kỹ thuật số

Các trang mạng xã hội

- Là những Web site mà mọi người có thể tham gia để kết nối với những người quen biết cũng như làm quen với những người bạn mới;
- Người tham gia phải tạo một tài khoản trước khi tham gia;
- Trên trang mạng xã hội, Users có thể tạo trang cá nhân để đăng ảnh, video, văn bản và tham gia các trò chơi điện tử;
- Users có thể mời những người khác liên kết đến hồ sơ của mình trên trang cá nhân;
- Users có thể truy cập vào trang cá nhân bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu có kết nối Internet;
- Các trang mạng xã hội phổ biến: Myspace, Facebook, Badoo, Skyblog, Twitter, Orkut, Flixter, Friendster, Migente, Bebo, Studivz, Xing,...

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

102





Truyền thông kỹ thuật số

Nhật ký cá nhân (NKC) trực tuyến (Blog)

- Là những bài viết trực tuyến chứa nhiều thành phần truyền thông;
- Tác giả đăng bài viết về một chủ đề cụ thể và mọi người sau đó có thể đăng bình luận phản hồi lại chủ đề;
- Trang nhật ký có thể chứa liên kết đến các NKC của người khác gọi là liên kết lưu vết quay trở lại (trackback);
- NKC cho phép Users đưa thêm các mẫu giúp Users có thể đăng bài ngay lập tức;
- NKC được tạo bằng cách truy xuất đến trang NKC và tạo tài khoản.

Các trang nhật ký phổ biến

[Question](#)

- Blogger: www.blogger.com
- WordPress: www.wordpress.com
- Tumblr: www.tumblr.com
- Xanga: www.xanga.com
- Weebly: www.weebly.com

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

103



Truyền thông kỹ thuật số

Sự hiện diện

- Các chương trình nhắn tin tức thời (Instant Message) đều có bộ nhận biết sự hiện diện:
 - Online: Đang trực tuyến, sẵn sàng giao tiếp
 - Busy: Bận
 - Away: Không có mặt
 - Do Not Disturb: Không sẵn sàng giao tiếp
- Tính năng nhận biết sự hiện diện cũng hoạt động khi sử dụng Webcam;
- Các trang mạng xã hội cũng sử dụng bộ nhận biết sự hiện diện

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

104



Truyền thông kỹ thuật số

Các tiêu chuẩn truyền thông điện tử

1. Thư điện tử không bao giờ thay thế hoàn toàn các hình thức TTĐT khác;
2. Thư điện tử không phải là truyền thông thời gian thực;
3. Khi viết và gửi một bản tin, cần nghĩ về đối tượng nhận;
4. Trình bày rõ ràng, ngắn gọn nếu có thể;
5. Luôn kiểm tra chính tả, ngữ pháp và các liên kết trước khi gửi đi;
6. Xem xét độ dài của bản tin;
7. Lưu trữ các tập tin trong thư mục thích hợp;
8. Thận trọng khi gửi tin cho nhiều người;
9. Thận trọng khi phản hồi (reply) bản tin mà trước đó bản tin đã được gửi tới cho nhiều người nhận;
10. Cần cân nhắc lựa chọn hình thức truyền thông thích hợp khi bản tin gửi đi chứa các thông tin cá nhân/nhạy cảm;

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

105



Truyền thông kỹ thuật số

Các tiêu chuẩn truyền thông điện tử

11. Cẩn trọng khi gửi các bản tin có nội dung trêu ghẹo tính địa phương/ngôn ngữ thiếu lịch sự;
12. Tránh “khiêu khích”. Việc khiêu khích bằng thư điện tử/trong phòng trò chuyện trực tuyến được xem là hình thức tấn công
13. Không sử dụng tất cả các từ viết hoa trong bản tin. Việc này được xem là “đang la hét”;
14. Tránh đưa ra những bình luận sai/gây hại cho người khác. Việc này được xem là phỉ báng/vu khống. Không được bắt nạt/quấy rối người khác với bất kỳ hình thức nào;
15. Hạn chế sử dụng chữ/từ viết tắt cũng như thận trọng khi sử dụng các biểu tượng thể hiện cảm xúc (emoticon)

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

106



Truyền thông kỹ thuật số

Các tiêu chuẩn truyền thông điện tử

- 16. Khi định đăng bất kỳ thông tin cá nhân lên mạng, cần suy nghĩ những gì cần đưa lên và đối tượng nào có thể xem những thông tin đó;
- 17. Sử dụng những nghi thức mạng (netiquette)/những cách cư xử tốt trong mọi hình thức truyền thông điện tử;
- 18. Luôn cố gắng phản hồi bản tin đúng hạn;
- 19. Xem xét kỹ lưỡng trình tự đăng bài (mức độ quan trọng của thông tin)
- 20. Luôn thực hiện theo các hướng dẫn/quy tắc của đơn vị (cơ quan, công ty, trường học, tổ chức,...)

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

107



Truyền thông kỹ thuật số

Làm việc với thư điện tử (Email)

- Để sử dụng email, User cần có một tài khoản;
- Tài khoản email cũng có thể được cung cấp bởi các nhà cung cấp dịch vụ email trên nền Web như: Windows Live, Hotmail, iCloud, Yahoo!, Gmail;

Cấu trúc địa chỉ email

tai.n.p@iigvietnam.com

Tên hộp thư

Tên tổ chức

Loại tên miền

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

108





Truyền thông kỹ thuật số

Làm việc với thư điện tử (Email)

**Username,
Password,
thông tin
đăng nhập**

Username

- Cần tuân thủ theo quy tắc đặt tên của tổ chức;
- Đối với thư điện tử trên nền Web, không cần tên định danh rõ ràng.

Password

- Tối thiểu 8 ký tự;
- Trộn số, chữ hoa, chữ thường và ký hiệu;
- Tránh sử dụng tên vợ/chồng/con cái/vật nuôi;
- Hợp lý, không rõ ràng nhưng có thể nhớ được;
- Tránh sử dụng 1 Password cho nhiều tài khoản;
- Tránh sử dụng sự thay đổi Password để đoán.

4/19/2016

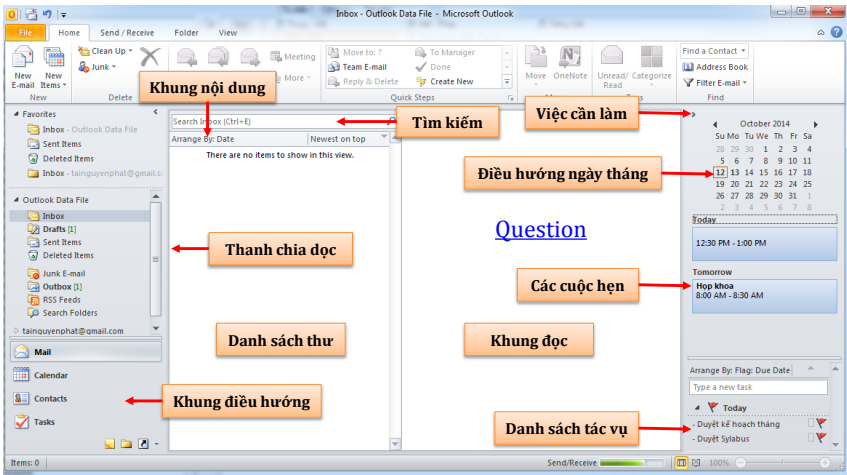
Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

109



Truyền thông kỹ thuật số

Sử dụng Microsoft Outlook



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

110





Truyền thông kỹ thuật số

Sử dụng Microsoft Outlook

Tạo các bản tin (thư) mới

Các bước tạo thư mới

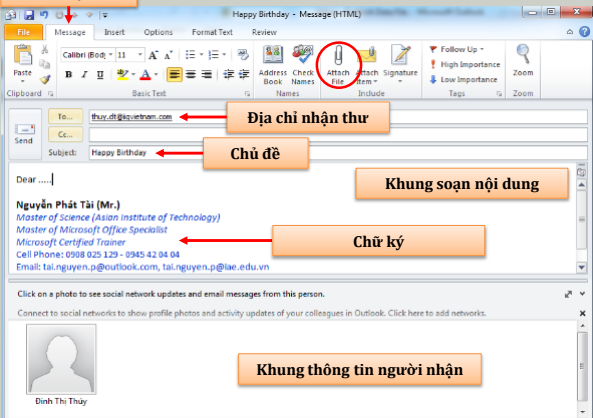
- Tạo thư mới;
- Ghi địa chỉ
- Nhập văn bản, chủ đề
- Kiểm tra nội dung
- Gửi thư

Địa chỉ

- To: Người nhận chính
- Cc: Người nhận Copy
- Bcc: Người nhận ẩn

[Question](#) [Question](#) [Question](#)

Menu soạn thư



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

111



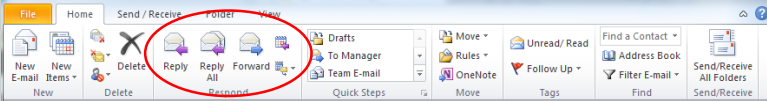
Truyền thông kỹ thuật số

Sử dụng Microsoft Outlook

Nhận thư (F9)



Phản hồi thư



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

112



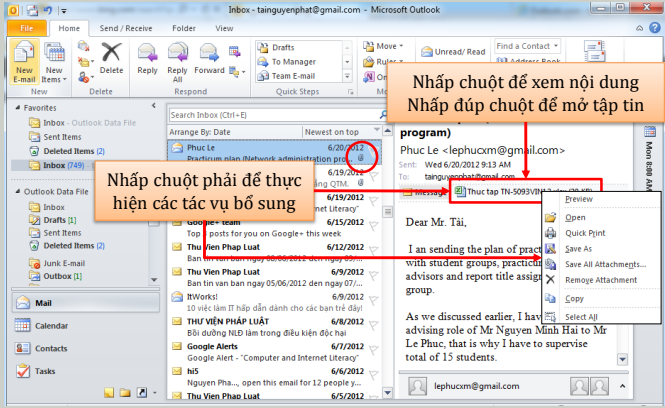
Truyền thông kỹ thuật số

Sử dụng Microsoft Outlook

Làm việc với tập tin đính kèm (Attached Files)

Xem tập tin đính kèm

Gửi tập tin đính kèm



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

113



Truyền thông kỹ thuật số

Sử dụng Microsoft Outlook

Quản lý thư rác (Spam mail)

- Là những thư đến không mong muốn được gửi đến; [Question](#)
- Hầu hết các chương trình email đều có tính năng lọc và chặn thư rác; [Question](#)
- Users có thể tải và cài đặt các chương trình chặn thư rác.

Một số phương pháp tránh nằm trong danh sách thư rác

- Không cho địa chỉ thư được thêm vào bất kỳ danh sách tiếp thị nào;
- Thiết lập địa chỉ email tách khỏi tài khoản cá nhân (email trên nền Web)
- Không trả lời bất kỳ email nào được cho là thư rác;
- Tránh đưa tên địa chỉ email ở những danh sách công cộng (hội thảo, kiến nghị trực tuyến,...)
- Tránh tiết lộ địa chỉ email ở bất kỳ một diễn đàn nào (nên sử dụng bí danh/địa chỉ ngụy trang) [Question](#)
- Tuân thủ theo các hướng dẫn về việc gửi thư nhằm tránh thư bị đánh dấu thành thư rác;

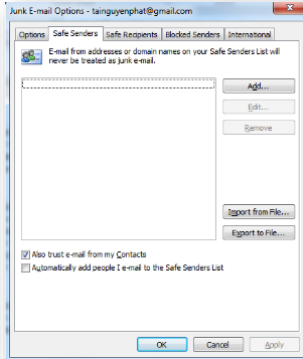
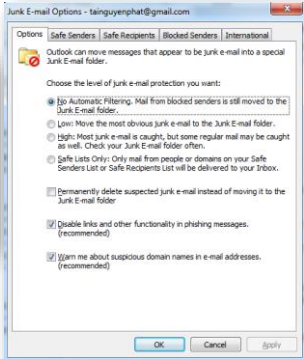
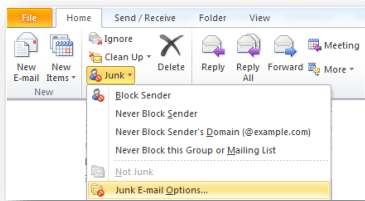


Truyền thông kỹ thuật số

Sử dụng Microsoft Outlook

Đối phó thư rác trong Outlook

Outlook cung cấp bộ lọc thư rác và đặt chúng vào thư mục Junk E-mail.



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

115



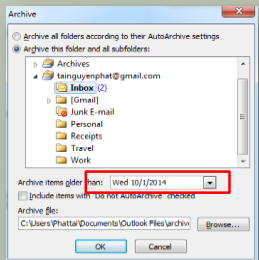
Truyền thông kỹ thuật số

Sử dụng Microsoft Outlook

Lưu trữ các bản tin

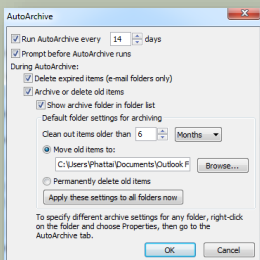
Lưu trữ thủ công

File > Info > Cleanup Tools > Archive



Lưu trữ tự động

File > Options > Advanced > AutoArchive Setting...



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

116



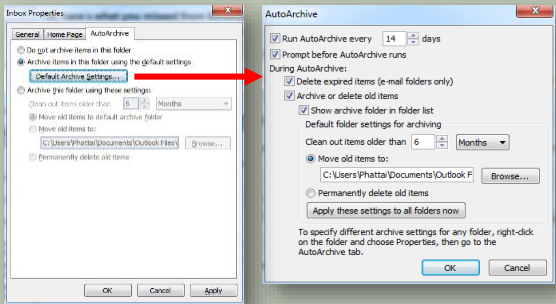
Truyền thông kỹ thuật số

Sử dụng Microsoft Outlook

Lưu trữ các bản tin

Lưu trữ tự động

Folder > Nhóm Properties, AutoArchive Settings



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

117



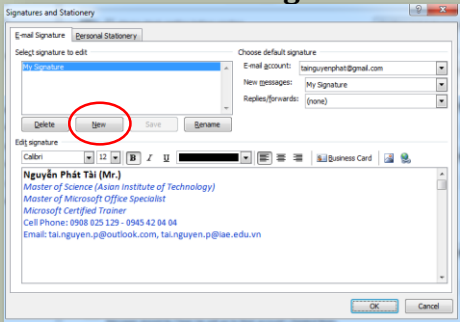
Truyền thông kỹ thuật số

Sử dụng Microsoft Outlook

Tự động hóa Outlook

Tạo chữ ký

File ⇒ Mail ⇒ Signatures



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

118





Công dân kỹ nguyên số

Các tiêu chuẩn truyền thông chuyên nghiệp

Cách thức để tránh các hành vi không phù hợp khi trực tuyến

Sở hữu trí tuệ, bản quyền, và các quy định cấp phép

Ergonomics và cách thiết lập bàn làm việc

Bảo vệ máy tính khỏi các mối đe dọa phần mềm

Virus và cách ngăn ngừa

Cách thức tự bảo vệ khi giao dịch thương mại trực tuyến

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

119



Công dân kỹ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Sở hữu trí tuệ (Intellectual Property)	- Bất kỳ sản phẩm/sáng tạo nào được tạo ra được xem là sở hữu trí tuệ của cá nhân/tổ chức tạo ra nó; - Sở hữu trí tuệ thường có giá trị lớn và khó có thể tính toán được hết các mất mát của chủ sở hữu khi sở hữu trí tuệ bị mất cắp.
Bản quyền (Copyright)	- Luật bản quyền được tạo ra để bảo vệ sở hữu trí tuệ; - Luật bản quyền cho phép cá nhân/tổ chức sở hữu sản phẩm trí tuệ của mình; - Mọi hình thức sử dụng sản phẩm trí tuệ phải được sự đồng ý của chủ sở hữu - Quyền tác giả cung cấp cho chủ sở hữu trí tuệ được quyền bán sản phẩm của mình.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

120



Công dân kỷ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Đăng ký bản quyền
(All Rights Reserved)

- Một sản phẩm ngay khi bắt đầu được thực hiện, nó đã được bảo vệ bởi quyền tác giả;
- Bản quyền được áp dụng cho cả quãng thời gian sống của tác giả và kéo dài 50 sau khi tác giả qua đời

- Khi tạo ra một sản phẩm ban đầu, tác giả được khuyến khích đặt một thông báo về bản quyền phía bên dưới bao gồm: Ký hiệu bản quyền ©, ngày tạo sản phẩm, tên tác giả.

Ví dụ: **Copyright © 2010 Microsoft**

Điều này cùng với việc đăng ký bản quyền, tác giả có quyền kiện và yêu cầu bồi thường nếu bản quyền bị xâm phạm.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

121



Công dân kỷ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Các tài liệu đã có bản quyền trên các Website

- Thông tin trên các trang Website cũng được bảo vệ bản quyền ⇒ sử dụng các tài liệu đã đăng ký bản quyền cần phải được tác giả trao quyền sử dụng;
- Người sử dụng tài liệu có bản quyền hoặc phải trả phí hoặc phải thừa nhận quyền tác giả khi truyền tải nội dung trong công việc của mình;
- Quy tắc “sử dụng hợp lý” cho phép sử dụng một phần thông tin có bản quyền với mục đích phản biện/bình luận mà không cần sự cho phép;
- Quyền tác giả được mặc định thuộc về người sở hữu trang Web/người tạo ra tài liệu đã xuất bản thậm chí không có ký hiệu bản quyền © nhưng người tạo ra sản phẩm có bằng sáng chế trên sản phẩm/công nghệ ⇒ tác giả độc quyền tạo ra/sử dụng/bán sản phẩm hay dịch vụ.



Công dân kỷ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Các tài liệu đã có bản quyền trên các Website

- Trong trường hợp không rõ về tình trạng bản quyền, cần thiết phải viết thư cho tác giả để yêu cầu được phép sử dụng với mục đích cụ thể;
- Một số website giúp nghiên cứu thông tin về bản quyền:
<http://whatcopyright.org>
<http://www.copyright.gov>
<http://www.copyright.com>,...

Hậu quả pháp lý của việc vi phạm bản quyền

- Người vi phạm sẽ nhận được thư từ nguồn hợp pháp, yêu cầu xóa nội dung thông tin;
- ISP có thể ngắt tất cả các dịch vụ liên quan đến tài khoản của người vi phạm;
- Người vi phạm có thể bị kiện và phải bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu bản quyền

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

123



Công dân kỷ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Cấp phép (Licensing)

- Quá trình cấp phép được thực hiện khi User được quyền sử dụng một phần sản phẩm/dịch vụ từ nhà phân phối;
- Giấy phép đơn chỗ (single seat);
 - Mã sản phẩm/mã khóa (Product code/key);
 - Volume license/Network license;
 - Site license;
 - Phần mềm dưới dạng một dịch vụ (SaaS – Software as a Service)
 - Giấy phép nhà cung cấp dịch vụ ứng dụng (ASP – Application Service Provider);

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

124

Detail Hide





Công dân kỹ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Phần mềm chia sẻ (Shareware)	-Phần mềm đang ở phiên bản (version) thử nghiệm; -Có thể tải và sử dụng miễn phí nhưng các chức năng phần mềm bị giới hạn/hạn chế thời gian sử dụng; -Users phải trả một khoản chi phí danh nghĩa (nominal cost) để loại bỏ hạn chế của phần mềm; -Không nhận được quyền hỗ trợ và bản cập nhật.
Phần mềm miễn phí (Freeware)	-Không thu phí và có thể chia sẻ cho người khác; -Không nhận được quyền hỗ trợ và bản cập nhật.
Phần mềm bó (Bundling)	-Phần mềm đính kèm khi mua máy tính.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

125



Công dân kỹ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Phần mềm cao cấp (Premium)	-Được tải từ Website cung cấp các dịch vụ do phần mềm cung cấp
Phần mềm Mã nguồn mở (Open Source)	-Phần mềm mà các đoạn mã chương trình được công khai cho bất kỳ ai muốn sử dụng; -Được xây dựng giống như phần mềm miễn phí; -Users có quyền chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu và có thể chia sẻ phiên bản đã chỉnh sửa cho người khác nhưng không được thu phí từ bất kỳ ai

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

126





Công dân kỹ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Tổ chức Creative Commons (CC)

- Là tổ chức phi lợi nhuận, cung cấp 6 loại giấy phép cho những ai muốn chia sẻ sản phẩm làm việc sáng tạo/tri thức của họ và giữ được bản quyền;
- Giấy phép không thay thế cho bản quyền, nhưng giúp người sở hữu bản quyền quản lý cách thức chia sẻ/sử dụng sản phẩm sáng tạo của mình
- Attribution
- Attribution NoDerivs
- Attribution-NonCommercial-ShareAlike
- Attribution ShareAlike
- Attribution-NonCommercial
- Attribution-NonCommercial-NoDerivs

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

127

Detail Hide



Công dân kỹ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Kiểm duyệt và lọc thông tin

- Internet không có một cơ quan nào giám sát các nội dung trực tuyến ⇒ có nhiều vùng xám chứa tài nguyên khó tách biệt được là tốt/xấu ⇒ thông tin cần được xem xét, kiểm duyệt, lọc nhằm mục đích bảo vệ người dùng;
- ISP cung cấp các công cụ khác nhau để giảm thiểu các loại thông tin gây hại.

Bộ chặn và lọc dữ liệu

- Là phần mềm lọc dữ liệu cho phép điều khiển loại/lượng thông tin có thể xem được;
- Một số trang mạng xã hội thiết lập các bộ chặn bản tin/bài đăng có chứa các thông tin gây khó chịu cho người sử dụng;
- Các phòng chat (chat rooms) có thể có người điều hành nhằm ngăn chặn các cuộc thảo luận không thích hợp;

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

128





Công dân kỷ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Kiểm duyệt và lọc thông tin

Bộ chặn và lọc dữ liệu	-Danh sách đen (black list) được thiết lập để cấm người dùng không thích hợp truy cập vào dịch vụ/đặc quyền cụ thể; -Kiểm duyệt thông tin do những người quản trị đơn vị thiết lập;
-------------------------------	--

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

129



Công dân kỷ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Những điều nên tránh

Đạo văn (Plagiarism)	Sử dụng thông tin được tạo bởi người khác và biểu diễn nó như là sở hữu của mình với những thay đổi rất nhỏ/giữ nguyên.
Phỉ báng hoặc vu khống (Defamation Or Slander)	- Phỉ báng: là viết ra những điều không đúng sự thật làm tổn hại danh dự của cá nhân hoặc danh tiếng tổ chức; - Nếu sự phỉ báng được nói ra bằng lời thì được gọi là vu khống; - Phỉ báng/vu khống có thể bị khởi kiện vì những tổn thất gây ra cho cá nhân/tổ chức. Những quy tắc này cũng được áp dụng cho những bình luận được viết trên Internet.





Công dân kỷ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Những điều nên tránh

Vi phạm bản quyền (Copyright Infringement)

- Vi phạm tác quyền/đạo văn khi sao chép/chỉnh sửa sản phẩm gốc để phù hợp với mục đích nào đó mà không được sự cho phép của chủ sở hữu;
- Một sản phẩm/phần mềm được chia sẻ mà không trả bất kỳ phí nào cho chủ sở hữu.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

131



Công dân kỷ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Hành vi không phù hợp

- Những trò đùa cợt;
- Bắt nạt trực tuyến (qua những bài viết/thông điệp - liên tục và cố ý);
- Tránh gây sự với người khác (bằng một bản tin/message)
- Không gửi thư rác cho người khác;
- Không chia sẻ thông tin cá nhân của người khác;
- Không tiết lộ những thông tin bí mật/nhạy cảm, cần tôn trọng sự riêng tư;
- Đừng chế giễu hoặc bỏ qua quan điểm của người khác;
- Nếu đang là người tạo ra thông tin đang được sử dụng trực tuyến, hãy cung cấp thêm thông tin và nguồn hỗ trợ thông tin đó.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

132





Công dân kỷ nguyên số

Xác định các vấn đề đạo đức

Những thực hành tốt cho công dân trực tuyến

- Kiểm tra lỗi chính tả một cách cẩn thận,
- Thận trọng khi sử dụng từ/chữ viết tắt,
- Tránh sử dụng toàn bộ/phần lớn ký tự in hoa,
- Sử dụng dấu chấm câu một cách chính xác,
- Cần lưu ý ai là người nhận/nghe thông tin truyền thông,
- Giữ phong cách giao tiếp chuyên nghiệp,
- Xem xét những hình thức truyền thông tốt nhất để đặt ra câu hỏi;
- Loại bỏ cảm xúc cá nhân ra khỏi những thông tin tuyên thông của mình,
- Khi đăng bài trực tuyến, có thể đăng cả văn bản cùng với hình ảnh và các liên kết trang Web khác với thái độ tốt.



Công dân kỷ nguyên số

Bảo vệ dữ liệu/máy tính

- | | |
|--------------------|---|
| Ăn cắp | <ul style="list-style-type: none">- Cần trang bị các hệ thống khóa máy tính trong các tủ đặc biệt hoặc sử dụng khóa có độ bền cao để gắn máy tính với bàn làm việc;- Sử dụng camera quan sát ở những khu vực làm việc có nhiều máy tính- Đừng để thiết bị di động ở một nơi mà bạn không chú ý đến nó khi ở những nơi công cộng. |
| Mất dữ liệu | <ul style="list-style-type: none">- Dữ liệu có thể bị mất do hacker, lỗi phần cứng, chập điện, vô tình xóa dữ liệu, mất thiết bị, hỏng thiết bị hoặc nhân viên bất mãn,...- Cần có một kế hoạch khẩn cấp đối phó với sự cố mất mát hệ thống- Cần có thiết bị bảo mật mạng như: tường lửa, bộ định tuyến không dây hỗ trợ mật khẩu, chương trình định danh người dùng trên mạng; |





Công dân kỹ nguyên số

Bảo vệ dữ liệu/máy tính

Mất dữ liệu

- Giữ các thiết bị di động bên mình khi ở các nơi công cộng;
- Sử dụng chương trình đồng bộ dữ liệu để sao lưu dữ liệu từ thiết bị di động sang máy tính.
- Xem xét thêm password vào các tập tin cụ thể/hủy bỏ quyền chia sẻ trên các tập tin/thư mục;
- Làm việc với bộ phận quản trị mạng để bảo vệ dữ liệu: sao lưu phòng trường hợp mất cấp/hỏa hoạn/hacker/virus,...

Bảo mật dữ liệu

- Hacker có thể:
- Đánh cắp thông tin với mục đích kinh doanh;
 - Hủy dữ liệu để công ty không thể cung cấp sản phẩm/dịch vụ/dự án đúng hạn;
 - Thay đổi thông tin gây ra sự lúng túng làm mất uy tín công ty;

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

135



Công dân kỹ nguyên số

Bảo vệ dữ liệu/máy tính

Bảo mật dữ liệu

- Cần có một chiến lược để gây khó khăn trong việc đoán mật khẩu của hacker:
- Sử dụng công thức với các yếu tố khác đủ để nhớ mật khẩu nhưng khó đoán với người khác;
 - Tránh sử dụng tên vợ/chồng/con/thú cưng làm mật khẩu;
 - Kết hợp số, chữ in, chữ thường, ký hiệu làm mật khẩu với chiều dài tối thiểu 8 ký tự;
 - Thường xuyên thay đổi mật khẩu/chuyển đổi sử dụng mật khẩu;
 - Sử dụng mật khẩu khác nhau cho những tập tin bí mật và để truy cập Internet;
 - Cẩn thận khi lưu mật khẩu trên trình duyệt Web đối với từng trang Web cụ thể;
 - Cài đặt, duy trì thiết bị tường lửa, router, software chuyên dụng nhằm bảo vệ tính toàn vẹn của máy chủ





Công dân kỹ nguyên số

Bảo vệ dữ liệu/máy tính

Sao lưu

- Dữ liệu cần được sao lưu thường xuyên và được cất giữ ở những địa điểm khác nhau. Cần có chiến lược sao lưu:
- Sao lưu trên các phương tiện có thể duy chuyển được: băng từ, đĩa cứng khả chuyển, đĩa quang;
 - Dữ liệu càng quan trọng, càng thường xuyên sao lưu. Hầu hết các Server được sao lưu ít nhất mỗi ngày 1 lần sử dụng hệ thống tự động;
 - Khuyến nghị users tạo bản sao trên server để lưu trữ dữ liệu của đĩa cứng cục bộ;
 - Khi làm việc với tập tin, cần lưu thường xuyên. Sử dụng tính năng lưu tự động sau một chu kỳ thời gian.
 - Sử dụng lưu trữ các bản sao lưu trên điện toán đám mây.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

137



Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

Phần mềm gián điệp (Spyware)

- Là phần mềm ứng dụng được bí mật đặt trong hệ thống của Users để thu thập các thông tin cá nhân/riêng tư;
- Chủ sở hữu phần mềm spyware thu thập thói quen truy cập Website, Email, Password của Users và sau đó sử dụng để gây hại/quảng cáo;
- Spyware được cài đặt thông qua virus hoặc một chương trình được tải về từ Internet;

Phần mềm quảng cáo (Adware)

- Là phần mềm ứng dụng cho phép tự động hiển thị/tải quảng cáo.

Cookie

- Là một tập tin nhỏ đặt trên máy tính của Users bởi máy chủ chứa trang Web được Users tải về; [Question](#)

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

138





Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

Cookie	- Cookie không nguy hiểm nhưng nó có thể lưu trữ Username và Password của Users nếu trả lời “Yes” khi trình duyệt hỏi có muốn lưu Password hay không; - Cookie cũng lưu vết hoạt động của trình duyệt; - Hackers có thể truy cập vào hệ thống hoặc sử dụng Spyware để đánh cắp Cookies để lấy Username và Password của Users.
Phần mềm độc hại (Malware)	- Là những chương trình hoặc tập tin có mục đích gây hại cho hệ thống máy tính; - Là một dạng phá hoại có phạm vi ảnh hưởng trên toàn cầu; - Malware bao gồm Trojan Horse, sâu (Worm), và Virus.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

139



Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

Phần mềm độc hại (Malware)	Trojan Horse
	- Là chương trình được thiết kế để cho phép hackers truy cập từ xa (Remote Access) tới hệ thống máy đích; - Không giống như virus, Trojan Horse không được thiết kế tự nhân bản; - Trojan Horse được cho là nổi tiếng đánh cắp Password, nhưng nó cũng có thể xóa các tập tin và gây ra các rắc rối khác; - Mã nguồn Trojan Horse ẩn sâu bên trong các ứng dụng và dường như không gây hại, nhưng nó có thể chứa virus/worm có thể lây lan. Các chuyên gia gọi virus này là “mối đe dọa hỗn hợp” vì nó kết hợp nhiều loại mã độc. Hiện nay sự kết hợp Trojan Horse + virus và worm + virus trở nên phổ biến. - Trojan Horse được cài đặt trên hệ thống đích khi users chạy các ứng dụng bị nhiễm.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

140





Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

**Phần mềm
độc hại
(Malware)**

Sâu (Worm)

- Với sự phát triển của mạng lưới thư điện tử, sâu đã trở thành một mối quan tâm lớn trong cộng đồng máy tính;
- Không giống như virus sâu được thiết kế để lây lan từ máy tính sang máy tính thông qua mạng LAN và Internet;
- Sâu tạo ra các tải trọng khác nhau từ các thông điệp vô hại đến việc xóa bỏ tập tin độc hại nhằm chiếm lưu lượng mạng;
- Sâu sử dụng thông tin trên một máy tính bị nhiễm để gửi thư hàng loạt đến tất cả các địa chỉ thư có trong danh sách thư của máy bị nhiễm;
- Sâu tạo ra sự từ chối, tấn công dịch vụ để tạo ra nhiều hoạt động vô ích tràn ngập trên mạng nhằm làm nghẽn và cuối cùng là làm mạng ngừng hoạt động.



Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

**Phần mềm
độc hại
(Malware)**

Virus

- Là chương trình độc hại được thiết kế để phá hủy các hệ thống dữ liệu và hệ thống máy tính;
- Virus lây nhiễm qua các thiết bị sao chép (USB, CD, Flash Disc), qua các tập tin được tải về từ mạng và từ các tập tin đính kèm gửi qua thư điện tử;
- Virus có thể:
 - Hiện thị các bản tin vô hại trên màn hình;
 - Chiếm bộ nhớ làm máy tính hoạt động chậm/ngăn chặn các tiến trình khác hoạt động;
 - Làm hỏng/phá hủy dữ liệu;
 - Xóa nội dung đĩa cứng;





Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

Các dấu hiệu nhận biết hệ thống bị nhiễm virus

- Các tin nhắn, các thông báo xuất hiện trên màn hình mà trước đây chưa từng có;
- Hệ thống chạy chậm hơn hoặc đột nhiên các chương trình/ứng dụng xảy ra sự cố;
- Các ứng dụng không hoạt động được/các chương trình tự động khởi động;
- Nghe âm thanh/bản nhạc ngẫu nhiên mà trước đó chưa từng có;
- Tên ổ đĩa/tập tin tự động thay đổi;
- Máy tính dường như có nhiều/ít tập tin hơn trước đây;
- Xuất hiện các thông báo lỗi do thiếu các tập tin chương trình;
- Nhận các bản tin có tập tin đính kèm từ người lạ;
- Bắt đầu nhận nhiều bản tin RE (Reply)/FW (Forward) có tập tin đính kèm từ người quen biết mà trước đó chưa hề gửi bản tin nào cho họ;



Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

Giải pháp phòng ngừa virus

- Sử dụng chương trình chống virus để quét bất kỳ USB, đĩa CD, đĩa flash khi đưa vào máy tính;
- Luôn luôn quét tập tin đính kèm theo email trước khi mở nó;
- Sử dụng phiên bản trực tuyến của chương trình chống virus trên Website khi chương trình chống virus trên máy bị hỏng;
- Nhờ chuyên gia kỹ thuật quét các ổ đĩa trong hệ thống để phát hiện virus tiềm năng và sau đó tìm giải pháp diệt/cô lập virus;





Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

Xóa Virus khỏi máy tính

Khi chương trình chống virus hoạt động và phát hiện virus/các đe dọa, chương trình sẽ đề xuất 2 lựa chọn: Cách ly/Xóa:

- Cách ly: Chương trình sẽ đặt tập tin bị nhiễm vào vùng cách ly để tránh lây nhiễm và sẽ được xóa sau nếu được yêu cầu;
- Xóa: Chương trình sẽ xóa vĩnh viễn tập tin bị nhiễm khỏi hệ thống. Nếu virus không thể xóa, chương trình sẽ tự động cách ly
- Xem lịch sử quét virus để kiểm tra các tập tin trong khu vực cách ly ⇒ xóa bất kỳ tập tin nào bị nhiễm ra khỏi máy tính.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

145



Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

Thiết lập tường lửa cá nhân

- Tường lửa có chức năng kiểm tra tất cả các thông tin vào ra hệ thống và chặn tất cả thông tin truyền thông được cho là có hại;
- Tường lửa cá nhân thực hiện tất cả các chức năng cơ bản trên nhằm bảo vệ máy tính khỏi nguy hiểm tiềm tàng từ virus, worm, spyware hoặc sự xâm nhập trái phép từ bên ngoài;
- Tường lửa cá nhân là phần mềm ứng dụng;
- Ngoài Firewall Windows tích hợp sẵn, users có thể mua phần mềm Firewall từ Third Party;
- Chạy hai chương trình Firewall cùng một lúc có thể xảy ra tranh chấp/mâu thuẫn ⇒ làm hỏng lẫn nhau.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

146





Công dân kỹ nguyên số

Xác định các mối đe dọa từ phần mềm

Các bản cập nhật	- Cập nhật hệ điều hành để giảm thiểu các sự cố bảo mật; - Cập nhật các ứng dụng để đảm bảo có những bản cập nhật bảo mật mới nhất
Các tập tin dư thừa	- Luôn có thể có tập tin dư thừa trên bất kỳ thiết bị lưu trữ sau khi gỡ bỏ các ứng dụng; - Tập tin dư thừa vô hại nhưng có thể chứa các thông tin cá nhân có thể bị khai thác nếu máy tính bị xâm nhập; ⇒ Sau khi gỡ bỏ một ứng dụng, kiểm tra ổ đĩa và xóa tất cả các thư mục/tập tin của ứng dụng còn sót lại (kể cả trong Recycle bin)

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

147

Detail Hide

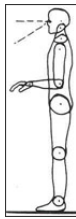
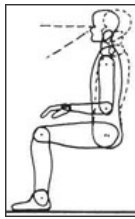


Công dân kỹ nguyên số

Ngăn ngừa chấn thương cá nhân

Làm việc một cách an toàn, thoải mái

- Hội chứng RSI (Repetitive Strain Injury);
- Ảnh hưởng của hội chứng RSI;
- Công thái học (Ergonomics) - Khắc phục hội chứng RSI.



[Question](#)

[Question](#)

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

148

Detail Hide



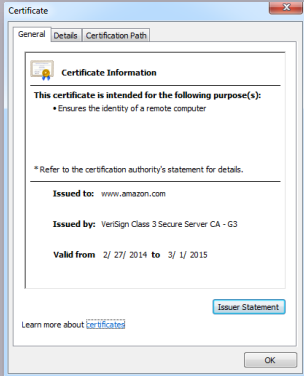
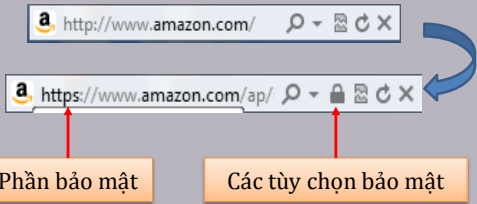


Công dân kỹ nguyên số

Bảo vệ bản thân trực tuyến

Mua hàng trực tuyến

- Nhiều Website thiết lập các bước nhằm đảm bảo bảo mật khi khách hàng giao dịch;
- Nghiên cứu kỹ lời mời;
- Kiểm tra địa chỉ Web;
- Bảo mật thông tin thẻ tín dụng;



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

149

Detail Hide

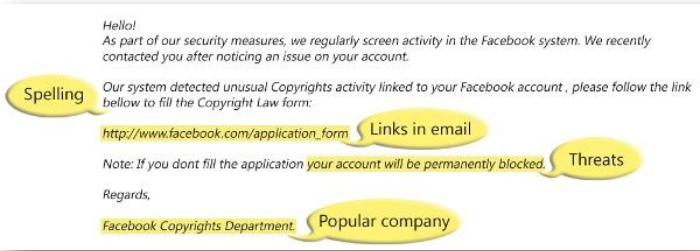


Công dân kỹ nguyên số

Bảo vệ bản thân trực tuyến

Lừa đảo thông tin trực tuyến

- Lừa đảo trực tuyến (phishing)
- Giả mạo (Spoofing)



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

150

Detail Hide



Công dân kỹ nguyên số

Những thông tin chia sẻ

- Tùy thuộc vào cách riêng của mỗi người;
- Hạn chế việc chia sẻ/kinh doanh thông tin cá nhân với bất kỳ ai mà mình đang trò chuyện trực tuyến;
- Cần thận khi tin tưởng một ai đó trong thế giới ảo;
- Tránh gửi các thông tin cá nhân: tuổi, giới tính, số điện thoại,... trực tuyến;
- Cần thận trọng khi đăng bài viết và hình ảnh của mình lên các trang mạng xã hội.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

151



Công dân kỹ nguyên số

Bảo vệ sự riêng tư

1. Đừng điền thông tin vào bất kỳ biểu mẫu trực tuyến nào.
2. Nếu muốn đăng ký trên một trang Web nào đó, cần chắc chắn không lựa chọn các tùy chọn xác định muốn nhận thư về sản phẩm hay dịch vụ liên quan;
3. Xóa các lịch sử duyệt Web/thiết lập thời gian để trình duyệt xóa tự động;
4. Nhập những thông tin nhạy cảm (username, password) ở những nơi tách biệt/che màn hình khi nhập;
5. Mua phần mềm của Third Party xóa vĩnh viễn lịch sử duyệt Web (WinShredder/Privacy Erase Pro);
6. Tránh sử dụng các chương trình add-in hoặc các thanh công cụ được cài cùng với chương trình tải về





Tìm kiếm thông tin

Tìm kiếm dữ liệu trên Internet

↓

Đánh giá kết quả tìm kiếm

↓

Tìm kiếm thông tin trên một Web site xác định

↓

Máy tìm kiếm (Search Engine) và cách thức hoạt động

↓

Thu hẹp tìm kiếm

↓

Đánh giá thông tin trên Internet

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

153



Tìm kiếm thông tin

Tìm kiếm dữ liệu trên Internet

- Users có thể tìm được những thông tin tốt/thông tin còn đang tranh cãi trong môi trường Internet;

- Website khác nhau sẽ chứa thông tin khác nhau:

Website doanh nghiệp	Chứa các thông tin về sản phẩm/dịch vụ;
Website chính phủ	Chứa các thông tin liên quan phòng/ban/tổ chức;
Website mạng xã hội	Cho phép chia sẻ hình ảnh, games, video, trò chuyện trực tuyến, mẫu tin đơn giản
Nhật ký cá nhân Blog	Cho phép nhập các bình luận/thông tin liên quan về một chủ đề cụ thể;
Website Wiki	Được sử dụng như các nguồn cung cấp thông tin và các công cụ

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

154

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

77



Tìm kiếm thông tin

Tìm kiếm dữ liệu trên Internet

YouTube	Cho phép tải thông tin ở dạng Podcast
Website cung cấp liên kết	Cung cấp công cụ tìm kiếm
Website khác	Cho phép tải các tập tin đa phương tiện; hình ảnh, video, audio, podcast.
Website chuyên đề đào tạo (.edu)	Chứa liên kết với các trường phổ thông, cao đẳng, đại học

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

155



Tìm kiếm thông tin

Sử dụng công nghệ Search Engine

Tác vụ cơ bản Question	1. Dựa trên tiêu chí đã lập; 2. Giữ chỉ mục (index) các từ đã được tìm thấy; 3. Hiển thị vị trí để tìm kiếm thông tin được lưu trữ trong chỉ mục đó.
Search Engine phổ biến	Google, Bing, Ask, Yahoo Search! Question Question Question



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

156





Tìm kiếm thông tin

Phương thức làm việc của Search Engine

- Công ty cung cấp dịch vụ tìm kiếm khác nhau có tính năng khác nhau cho các bộ kết quả khác nhau;
- Thông tin trong Database của Search Engine một phần được xác định bởi cách thức công ty trích các thông tin URL;
- Số lượng URL trong Database phụ thuộc vào sự tích cực của các chủ sở hữu trang Web trong việc gửi URL của họ để đưa vào Database của Search Engine;
- Việc xếp hạng được thiết lập trên cơ sở số lượng và loại từ khóa các Users gửi lên;
- Search Engine sử dụng các chỉ mục làm giảm thời gian tìm kiếm thông tin. Search Engine còn sử dụng các đánh dấu trang được chia sẻ gọi là Social Search Engine.

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

157



Tìm kiếm thông tin

Sử dụng Search Engine

- Nhập tiêu chuẩn/từ khóa tìm kiếm vào trường tìm kiếm nằm trên Website của Search Engine;



4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

158

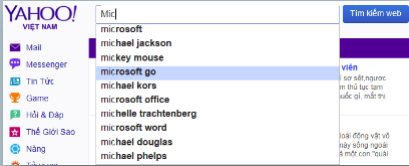


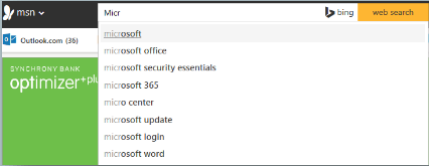


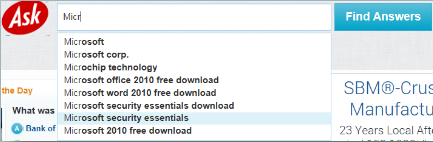
Tìm kiếm thông tin

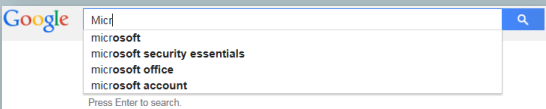
Sử dụng Search Engine

- Tùy thuộc vào chương trình duyệt Web, Auto-complete được áp dụng ;









4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

159



Tìm kiếm thông tin

Đánh giá thông tin

Độ tin cậy và sự liên quan	- Quan sát các lỗi trên Website (chính tả, ngữ pháp,...) - Sự cập nhật thông tin
Độ chính xác và tính xác thực	- Kiểm tra trình độ tác giả, kinh nghiệm nhà xuất bản, mối quan hệ giữa tác giả và nhà xuất bản; - Tìm hiểu phần About us, Mission, Philosophy; Profile trong Website

4/19/2016

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

160

Tài liệu tập huấn IC3 GS4 - Living Online

80